



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HOÀ

(Giấy CNĐKKD số 4603000509 do Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/03/2008)



BẢN CÁO BẠCH

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: .../ĐKNY do..... cấp ngày ... tháng ... năm))

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HOÀ (PHURUCO)

Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Tel: (84.0650) 3657 106 Fax: (84.0650) 3657 110



2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG (TSC)

• **HỘI SỞ**

273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Tel: (84.4) 3726 2600 Fax: (84.4) 3726 2601

• **CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH**

Lầu 2, số 1-5 Lê Duẩn, Tòa nhà PetroVietnam, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3910 6411 Fax: (84.8) 3910 6153



Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Dương Văn Khen** Số điện thoại: **0650.3657.828**

Chức vụ: **Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà**



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HOÀ

(Giấy CNĐKKD số 4603000509 do Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/03/2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá niêm yết:	36.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	81.300.000 cổ phiếu

(Bằng chữ: Tám mươi một triệu ba trăm ngàn cổ phiếu)

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 813.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Tám trăm mười ba tỷ đồng)

❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

Địa chỉ: 160 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84.04) 3 8 689 566 – 8 689 588

Fax: (84.04) 3 8 686 248

Email: avapro@vnn.vn

Web: www.ava.pro.vn

❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

Trụ sở chính: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Tel: (84.4) 3 726 2600

Fax: (84.4) 3 726 2601

Chi nhánh TP.HCM: Lầu 2, Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM

Tel: (84.8) 3 910 6411

Fax: (84.8) 3 910 6153

Email: info@thanglongsc.com.vn

Web: www.thanglongsc.com.vn

MỤC LỤC

	Trang
I. Các nhân tố rủi ro	01
1. Rủi ro kinh tế	01
2. Rủi ro về pháp luật	01
3. Rủi ro đặc thù	01
3.1 Rủi ro biến động giá	01
3.2 Rủi ro về hoạt động đầu tư	02
3.3 Rủi ro về đồng tiền thanh toán	02
3.4 Rủi ro khác	02
4. Rủi ro khác	03
II. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch	04
1. Tổ chức niêm yết	04
2. Tổ chức tư vấn	04
III. Các khái niệm	05
IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức niêm yết	08
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	08
1.1 Lịch sử hình thành	08
1.2 Ngành nghề kinh doanh	08
1.3 Giới thiệu về công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà	09
1.4 Những danh hiệu công ty đạt được trong thời gian qua	09
2. Cơ cấu tổ chức	10
2.1 Cơ cấu tổ chức	10
2.2 Sơ đồ tổ chức	11
3. Cơ cấu bộ máy quản lý	12
3.1 Đại hội đồng	12
3.2 Hội đồng quản trị	12
3.3 Ban Kiểm Soát	12
3.4 Ban Tổng Giám đốc	12
3.5 Văn Phòng Công ty	13
3.6 Phòng Tổ chức Lao động tiền lương	13
3.7 Phòng Kế hoạch Vật Tư	13
3.8 Phòng Kỹ thuật	14
3.9 Phòng Tài chính kế toán	14
3.10 Phòng Kiểm Phẩm	14
3.11 Phòng Thanh Tra – Bảo Vệ	15
3.12 Các đơn vị thuộc công ty	15



4. Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà	16
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm 30/06/2009	16
4.2 Cơ cấu cổ đông công ty tại thời điểm 30/06/2009	17
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết;	17
5.1 Danh sách công ty nắm quyền chi phối công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2009	17
5.2 Danh sách công ty mà công ty niêm yết nắm quyền chi phối tại thời điểm 30/06/2009	19
5.3 Danh sách công ty liên kết mà công ty niêm yết đang nắm giữ cổ phần tại thời điểm 30/06/2009	19
5.4 Danh sách công ty mà công ty niêm yết có ảnh hưởng tại thời điểm 30/06/2009	20
6. Hoạt động kinh doanh	21
6.1 Sản phẩm kinh doanh chủ yếu của công ty	21
6.2 Sản lượng – Doanh thu sản phẩm công ty qua các năm	27
6.3 Diện tích vườn cây cao su	28
6.4 Chi phí sản xuất	30
6.5 Trình độ công nghệ	31
6.6 Tình hình nghiên cứu và đầu tư sản phẩm mới	31
6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	32
6.8 Quy trình sản xuất sản phẩm	33
6.9 Hoạt động marketing	35
6.10 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế, bản quyền	35
6.11 Các hợp đồng lớn đang hoặc đã được ký kết	35
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	36
7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 03 năm 2006, 2007 và năm 2008	36
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo	37
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	39
8.1 Ngành cao su	39
8.2 Triển vọng phát triển của ngành	43
8.3 Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành	44
9. Chính sách đối với người lao động	44



9.1	Số lượng lao động và cơ cấu lao động	44
9.2	Các chính sách đối với người lao động	45
10.	Chính sách cổ tức	45
11.	Tình hình hoạt động tài chính	46
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản	46
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	50
12.	Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế Toán Trưởng	51
13.	Tài sản	64
13.1	Một số tài sản chính của công ty tại thời điểm 31/12/2007, 02/03/2008, 31/12/2008	64
13.2	Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng của Công ty tại thời điểm 31/12/2008	64
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2009-2011	64
14.1	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2009-2011	64
14.2	Biện pháp thực hiện	65
14.3	Kế hoạch đầu tư năm 2009-2011	66
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	68
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	68
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	68
V.	Chứng khoán niêm yết	69
1.	Loại chứng khoán	69
2.	Mệnh giá	69
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết	69
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết	69
5.	Giá dự kiến niêm yết	70
6.	Phương pháp tính giá	70
7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	71
8.	Các loại thuế có liên quan	72
VI.	Các đối tác liên quan tới việc niêm yết	73
VII.	Phụ lục	73

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Ngành sản xuất cao su thiên nhiên Việt Nam chịu ảnh hưởng rất lớn bởi các tác động của môi trường vĩ mô toàn cầu vì giá cao su Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp từ giá cao su thế giới (do hơn 80% sản phẩm mủ cao su Việt Nam được xuất khẩu). Trong các ngành công nghiệp trên thế giới thì ngành công nghiệp sản xuất ô tô và lớp xe tiêu thụ đáng kể mủ cao su thiên nhiên. Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Đức, là nước nhập khẩu mủ cao su với khối lượng lớn do vậy nhu cầu về mủ cao su thiên nhiên của các nước trên thế giới tăng hay giảm phần lớn phụ thuộc vào ngành công nghiệp ô tô. Khi kinh tế tăng trưởng, thu nhập của người lao động tăng, nhu cầu tiêu thụ xe ô tô tăng kéo theo ngành sản xuất lớp xe tăng trưởng dẫn đến nhu cầu nhập khẩu mủ cao su thiên nhiên gia tăng sẽ làm cho ngành sản xuất cao su thiên nhiên phát triển. Ngược lại, khi kinh tế ảm đạm, đặc biệt là xảy ra khủng hoảng kinh tế từ năm 2008 đến nay làm cho ngành sản xuất xe ô tô phải cắt giảm sản lượng, nhiều nhà máy phải đóng cửa, cắt giảm nhân công, thậm chí có những hãng xe ô tô lớn như GM phải lâm vào tình trạng phá sản ... gây ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm từ mủ cao su thiên nhiên làm cho ngành sản xuất cao su thiên nhiên bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Vì vậy rủi ro kinh tế là đáng kể đối với Công ty CP cao su Phước Hòa.

2. Rủi ro về pháp luật

Công ty Cp Cao su Phước Hòa được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp 2005, chịu ảnh hưởng bởi các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, hoạt động xuất khẩu sản phẩm chịu ảnh hưởng bởi các văn bản pháp luật về xuất nhập khẩu. Các văn bản pháp luật của Việt nam đang được hoàn chỉnh dần tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của doanh nghiệp cho nên vấn đề về rủi ro pháp luật đối với Công ty CP cao su Phước Hòa là không đáng kể.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro biến động giá

3.1.1. Rủi ro biến động giá đầu vào

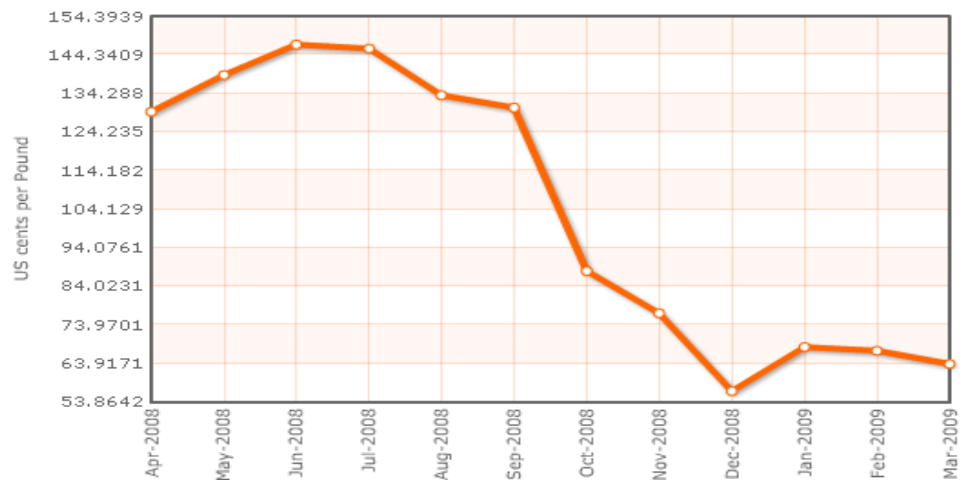
Do đặc thù cao su trong nhóm ngành nông nghiệp, nên chịu ảnh hưởng lớn từ điều kiện tự nhiên như: thời tiết, đặc điểm đất đai... Ngoài ra, chi phí đầu vào như: chi phí nhân công (chăm sóc, cạo và chế biến mủ cao su), chi phí phân bón, chi phí trồng và chăm sóc trong

giai đoạn kiến thiết vườn cây cao su, chi phí các nguyên phụ liệu trong quá trình khai thác và chế biến mủ cao su ... cũng bị tác động bởi các yếu tố khách quan. Trong những chi phí trên, yếu tố tác động lớn đến giá đầu vào là chi phí nhân công và giá mua phân bón. Do thu nhập công nhân chiếm tỷ trọng khoảng 40% trên giá bán, nên khi thị trường thuận lợi, giá cao su tăng thì thu nhập của người lao động cũng tăng làm gia tăng giá vốn hàng bán. Giá mua phân bón cũng chịu ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố khách quan như: giá phân bón và giá dầu trên thị trường thế giới, nhu cầu sử dụng trong nước, năng lực cung ứng của các nhà thầu... Nên rủi ro về yếu tố giá đầu vào là đáng kể đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

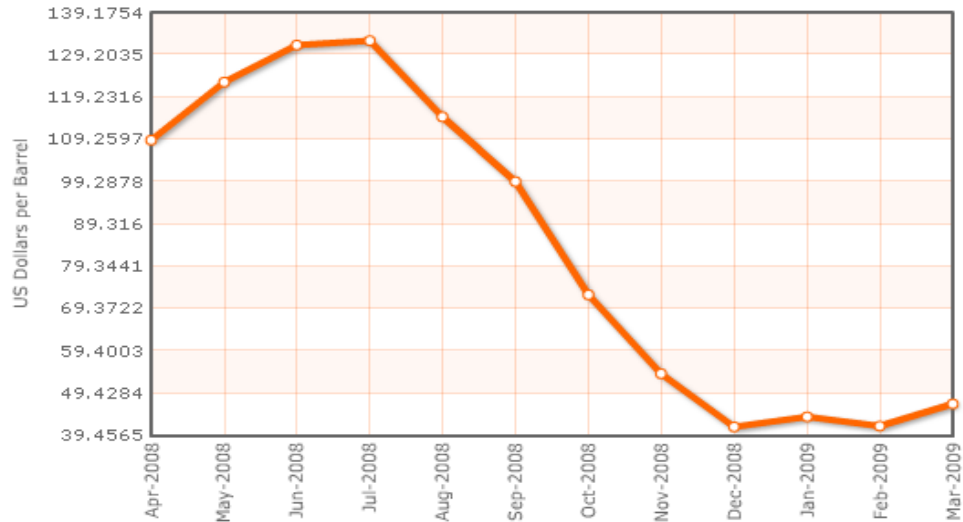
3.1.2. Rủi ro biến động giá dầu ra

Giá cao su Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp từ thị trường cao su thế giới và giá cao su thế giới có mối tương quan cùng chiều khá lớn với giá dầu thế giới.

Hiện nay, thế giới sử dụng cùng lúc hai loại cao su: cao su thiên nhiên (cao su khai thác từ cây cao su) và cao su tổng hợp (cao su được chiết xuất từ dầu mỏ). Hai loại sản phẩm này là sản phẩm thay thế cho nhau trong các ngành công nghiệp, vì thế, khi giá dầu giảm, giá cao su tổng hợp sẽ giảm so với giá cao su tự nhiên, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho giá cao su tổng hợp. Các nhà sản xuất sẽ chuyển sang sử dụng cao su tổng hợp, nhu cầu cao su thiên nhiên giảm dẫn đến giá cao su thiên giảm. Và ngược lại, khi giá dầu tăng, giá cao su tổng hợp sẽ tăng so với giá cao su tự nhiên, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho giá cao su thiên nhiên. Các nhà sản xuất sẽ chuyển sang sử dụng cao su thiên nhiên, nhu cầu cao su thiên nhiên tăng dẫn đến giá cao su thiên nhiên tăng. Do vậy, biến động giá dầu ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của ngành cao su, trong đó có Công ty Cổ phần cao su Phước Hòa. Vì thế rủi ro biến động giá dầu là đáng kể.



Giá cao su tự nhiên thế giới từ 04/2008 – 03/2009



Giá dầu thế giới từ 04/2008 – 03/2009

(Nguồn: www.indexmud.com)

3.2. Rủi ro về đồng tiền thanh toán

Là doanh nghiệp sản xuất với khoảng 50% tổng sản lượng xuất khẩu và ủy thác xuất khẩu nên nguồn thu của Công ty CP Cao su Phước Hòa đa phần là ngoại tệ bằng đồng USD. Vì thế, khi tỷ giá hối đoái biến động có tác động trực tiếp đến doanh thu của Công ty: nếu tỷ giá tăng, doanh thu của doanh nghiệp khi chuyển đổi từ ngoại tệ sang VNĐ sẽ có phần tăng từ chênh lệch tỷ giá và ngược lại, nếu tỷ giá giảm, doanh thu của doanh nghiệp chuyển đổi ngoại tệ sang VNĐ sẽ có phần giảm từ chênh lệch tỷ giá. Bên cạnh đó, công ty có đầu tư trồng Cao su tại Campuchia, các khoản chi phí và đầu tư đều thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ. Vì vậy, sự biến động của tỷ giá hối đoái cũng ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

4. Rủi ro khác

Ngoài ra, công ty còn có các rủi ro khác liên quan đến các trường hợp bất khả kháng như: thiên tai, lụt lội, cháy, nổ. Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của công ty.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: Nguyễn Văn Tân	Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc công ty
Ông: Hồ Mộng Vân	Chức vụ:	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông: Dương Văn Khen	Chức vụ:	Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Bà: **Thẩm Thị Thuý** Chức vụ: **Giám đốc Chi nhánh TP. HCM**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà;
- Tổ chức Tư vấn niêm yết: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long - Chi nhánh TP.HCM;
- Công ty kiểm toán: Công ty Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà
- Bản cáo bạch: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán;
- Điều lệ: Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà thông qua;
- Vốn điều lệ: Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà;
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
- Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần: Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà;
- Cổ đông: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần đã phát hành của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà;
- Cổ tức: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;
- Đại hội đồng cổ đông: Là Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà;
- Hội đồng quản trị: Là Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà;



- Ban Kiểm soát: Là Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà;
- Ban Tổng Giám đốc: Là Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà;
- Người có liên quan: Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
 - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
 - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Công ty mẹ, Công ty con;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán số 14/2007/NĐ-CP ban hành ngày 19 tháng 01 năm 2007 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- Công ty : Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà;
- PHURUCO : Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà (viết tắt);
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- SGDCK : Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM;
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT : Hội đồng quản trị;
- BKS : Ban kiểm soát;
- BHXH : Bảo hiểm xã hội;



- CNĐKKD : Chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- TSC : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long
- AVA : Công ty Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Lịch sử hình thành

Tiền thân của Công ty là đồn điền cao su Phước Hòa, sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đổi tên thành Nông trường Cao su Quốc Doanh Phước Hòa.

Năm 1982, Công ty Cao su Phước Hòa được Tổng cục Cao su Việt Nam thành lập và đến năm 1993, Công ty Cao su Phước Hòa được thành lập lại theo quyết định số 142NN/QĐ ngày 04/03/1993 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn), là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Từ năm 1993 – 2008, Công ty Cao su Phước Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 100966 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Sông Bé cấp ngày 27 tháng 03 năm 1993 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 29 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.


Hiện nay, Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000509 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03 tháng 03 năm 2008.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000509 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03 tháng 03 năm 2008, Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa hoạt động chính trong những lĩnh vực sau:

- Trồng cây cao su;
- Khai thác, chế biến mủ cao su;
- Bán lẻ xăng dầu;
- Mua bán gỗ cao su;
- Chế biến gỗ cao su;
- Thi công xây dựng và sửa chữa cầu đường, công trình giao thông;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư. Kinh doanh địa ốc, kinh doanh phát triển nhà và các công trình dịch vụ du lịch khu công nghiệp;
- Đầu tư tài chính.

1.3 Giới thiệu về Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA**
- Tên tiếng Anh: **PHUOC HOA RUBBER JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **PHURUCO**
- Logo: 
- Trụ sở : Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : 84 - 0650 – 3 657106
- Fax: 84 – 0650 – 3 657110
- Website: www.phuruco.vn; www.phuochoa.com.vn
- Email: phuochoarubber@hcm.vnn.vn
- Giấy phép kinh doanh: Số 4603000509 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/03/2008.
- Vốn điều lệ: 813.000.000.000 đồng
 - Cổ đông nhà nước: 54.158.406 cổ phần (tỷ lệ 66,62% vốn điều lệ)
 - Cổ đông trong công ty: 6.495.683 cổ phần (tỷ lệ 7,99% vốn điều lệ)
 - Cổ đông chiến lược: 4.678.000 cổ phần (tỷ lệ 5,75% vốn điều lệ)
 - Cổ đông ngoài công ty: 15.967.911 cổ phần (tỷ lệ 19,64% vốn điều lệ)

1.4 Những danh hiệu Công ty Cao su Phước Hoà đạt được trong thời gian qua

- “Anh Hùng Lao Động” thời kỳ đổi mới năm 2005;
- “Anh Hùng Lực Lượng Vũ Trang” năm 1996;
- “Huân chương Độc Lập” hạng 2;
- “Huân chương Độc Lập” hạng 3;
- “Huân Chương Lao Động” hạng 1;
- “Huân Chương Lao Động” hạng 2;
- “Huân Chương Lao Động” hạng 3;
- Giải thưởng “Sao Vàng Quốc Tế” năm 1996;
- Giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt” năm 2008;

- Bằng khen của **Bộ Thương mại về thành tích xuất khẩu** năm 2004, 2005, 2006, 2007;
- Giải thưởng “**Doanh nghiệp Kinh doanh Xuất Sắc**” của cơ quan thương vụ Việt Nam;
- 4 lần nhận cờ thi đua của Chính Phủ tặng;
- Bộ Công Thương Việt Nam bình chọn doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2005, 2006, 2007;
- **Đạt Cúp vàng ISO – Chia khóa hội nhập**, do Bộ Khoa Học Công Nghệ trao;
- 8 sản phẩm chính đạt tiêu chuẩn hàng nông lâm sản Việt Nam chất lượng cao và uy tín thương mại năm 2007, do Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn trao giải
- Giải thưởng “**Doanh nghiệp Hội Nhập và Phát Triển**” năm 2008;



Danh hiệu Anh hùng lao động

Cúp vàng
ISO 2007Chứng nhận Giải thưởng
Thương hiệu Việt
Hội nhập WTO

2. Cơ cấu tổ chức của công ty

2.1 Cơ cấu tổ chức

2.1.1 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

2.1.2 Khối quản lý

Bao gồm 07 phòng ban có chức năng tham mưu, giúp Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo công tác hoạch định kế hoạch và thị trường. Các phòng ban bao gồm:

- Văn phòng công ty;
- Phòng tổ chức lao động tiền lương;

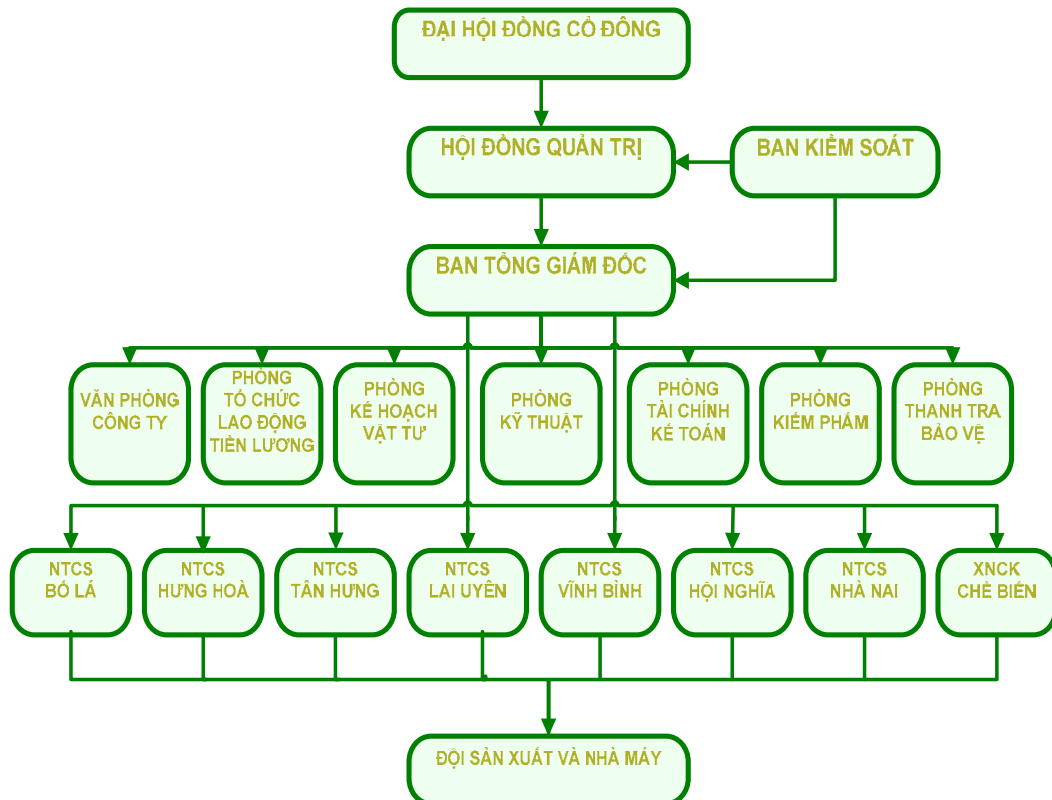
- Phòng kế hoạch vật tư;
- Phòng kỹ thuật;
- Phòng tài chính kế toán;
- Phòng kiểm phẩm;
- Phòng thanh tra, bảo vệ.

2.1.3 Khối trực tiếp sản xuất

Bao gồm 07 nông trường và 01 xí nghiệp chế biến:

- Xí nghiệp cơ khí chế biến;
- Nông trường Bồ Lá;
- Nông trường Tân Hưng;
- Nông trường Hưng Hóa;
- Nông trường Lai Uyên;
- Nông trường Vĩnh Bình;
- Nông trường Hội Nghĩa;
- Nông trường Nhà Nai;

2.2 Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

3.1 Đại hội đồng Cổ đông

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức Công ty, quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm Hội đồng Quản trị...

3.2 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan điều hành Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông.

Thành viên Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

Ông:	Nguyễn Văn Tân	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông:	Phạm Văn Thành	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông:	Lê Phi Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông:	Trương Văn Quanh	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông:	Nguyễn Đức Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị

3.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Vai trò của Ban Kiểm soát là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty.

Thành viên Ban Kiểm soát hiện tại như sau:

Ông:	Hồ Mộng Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông:	Nguyễn Văn Tước	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông:	Vũ Quốc Anh	Thành viên Ban Kiểm soát

3.4 Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị có quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm Ban Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về các nhiệm vụ và quyền hạn được giao phó.

Thành viên Ban Tổng Giám đốc hiện tại như sau:

Ông:	Nguyễn Văn Tân	Tổng Giám đốc công ty
Ông:	Lê Phi Hùng	Phó Tổng Giám đốc công ty
Ông:	Trương Văn Quanh	Phó Tổng Giám đốc công ty
Ông:	Nguyễn Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc công ty
Ông:	Đặng Đôn Cư	Phó Tổng Giám đốc công ty

3.5 Văn phòng công ty

Thực hiện một số công việc hành chính, văn thư, lưu trữ bảo mật tài liệu theo quy định.

Thực hiện quản lý và điều động xe con công tác cho cán bộ công nhân viên, định mức nhiên liệu công tác. Kiểm tra và lập kế hoạch sửa chữa thường xuyên nhà cửa, kho khu vực cơ quan công ty. Tham gia thu mua sản phẩm mủ cao su.

Tiếp khách đến làm việc, công tác, kiểm tra giám sát theo quy định; xây dựng nội quy và thời gian làm việc của khối cơ quan; xây dựng các chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí của cơ quan. Tham gia hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật của công ty.

Tổ chức quản lý báo cáo tổng hợp các thông tin từ các phòng ban công ty, giúp cho ban Tổng Giám đốc điều hành chung, nắm bắt kịp thời các thông tin số liệu, tài liệu, phát sinh hàng ngày.

3.6 Phòng tổ chức lao động tiền lương

Quản lý cán bộ, công nhân viên chức theo định biên của công ty, theo dõi tình hình biến động lao động của công ty.

Xây dựng kế hoạch lao động phục vụ sản xuất kinh doanh, kế hoạch bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại, ăn giữa ca và các chính sách khác cho người lao động,...

Hướng dẫn xét nâng lương, nâng ngạch cho cán bộ công nhân viên, tham gia các hoạt động kỷ luật, thi đua khen thưởng.

Tuyển dụng lao động, làm hồ sơ bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người lao động.

3.7 Phòng kế hoạch vật tư

Xây dựng kế hoạch vật tư, nguyên vật liệu, công cụ cần dùng hàng năm, tổ chức đấu thầu cung cấp các nguyên vật liệu cho công ty với giá mua vào thấp đảm bảo chất lượng, góp phần làm giảm chi phí, giá thành sản phẩm.

Tổ chức cung ứng, cấp phát nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo định mức kế hoạch đến từng đơn vị sử dụng, tổ chức nghiệm thu chất lượng các nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ khi mua sắm.

Tham gia kiểm tra, kiểm kê vật tư, hàng hóa, sản phẩm cao su tồn kho; quản lý vật tư, hàng hóa luân chuyển trong kho với mức hợp lý.

Lập kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng năm. Thực hiện các hợp đồng mua bán sản phẩm, lập các chứng từ bán hàng xuất khẩu theo quy định.

Tham gia hội đồng kiểm tra kỹ thuật, nghiệm thu công trình xây dựng,...

3.8 Phòng kỹ thuật

Quản lý về kỹ thuật khai thác cao su đúng quy trình của tập đoàn, trồng mới và chăm sóc cao su vườn cao su; quản lý kỹ thuật vườn nhân, vườn ươm.

Thực hiện các biện pháp quản lý vườn cây, khai thác, thâm canh; nghiên cứu chế độ dinh dưỡng cho vườn cây hợp lý, thực hiện xây dựng và quản lý chế độ cạo cho từng vườn cây.

Xây dựng kế hoạch bón phân, trị bệnh cho cây, bôi thuốc kích thích; tổ chức kiểm tra, giám sát quy trình trồng mới, kỹ thuật khai thác.

Lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản toàn công ty hàng năm. Tổ chức đấu thầu và quản lý công tác xây dựng theo đúng quy định.

Thực hiện kiểm tra, giám sát, nghiệm thu tiến độ thi công các công trình xây dựng cơ bản, các hợp đồng tư vấn, khảo sát, giám sát, thiết kế,...

Tổ chức nghiệm thu sản xuất, bón phân, kiểm tra kỹ thuật, tham gia hội đồng khoa học kỹ thuật công ty.

3.9 Phòng tài chính kế toán

Quản lý vốn đầu tư, doanh thu, chi phí sản xuất kinh doanh, đầu tư liên doanh, liên kết có hiệu quả. Tổ chức kiểm kê tài sản theo định kỳ.

Quản lý định mức chi phí sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính kịp thời theo quy định của luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

Tổ chức quản lý thu mua sản phẩm cao su, phối kết hợp với các phòng ban khác quản lý diện tích cao su, diện tích cao su khoán; lưu trữ chứng từ, tài liệu;...

Theo dõi thanh toán với ngân sách nhà nước.

Tham gia hội đồng kiểm tra kỹ thuật, nghiệm thu công trình xây dựng cơ bản,...

3.10 Phòng kiểm phẩm

Thực hiện chức năng kiểm tra chất lượng sản phẩm cao su sản xuất ra hàng ngày, xác định hàm lượng chất bản, độ nhớt, độ dẻo, tro, tạp chất,... theo tiêu chuẩn sản phẩm của Việt Nam.

Tham gia kiểm tra, quản lý sản phẩm tồn kho, quản lý định mức bao bì luân chuyển, các vật tư phục vụ cho quá trình kiểm phẩm.

Tiếp nhận và kiểm tra chất lượng sản lượng mủ đầu vào từ vườn cây công ty và sản phẩm mủ cao su thu mua. Thực hiện các quy chế quản lý mủ nước, mủ tạp trong giai đoạn khai thác và tiếp nhận tại nhà máy.

Tham gia hội đồng nghiệm thu sản phẩm công ty, kiểm tra và đề xuất biện pháp quản lý sản xuất chế biến mủ cao su có hiệu quả,...

3.11 Phòng thanh tra – bảo vệ

Tổ chức và quản lý đội ngũ thanh tra, bảo vệ tài sản chung của toàn công ty có hiệu quả, chống mất cắp mủ; tham gia các ban chỉ đạo thống nhất với địa phương trên địa bàn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý;

Tổ chức lực lượng tự vệ, quân sự theo quy định của tỉnh, ngành, hoạt động theo chương trình đã đề ra.

Tham gia quản lý đất đai trên địa bàn công ty, giải quyết các vụ tranh chấp kịp thời, tham gia các hoạt động liên quan đến quản lý diện tích khoán, giao bán sản phẩm thu mua,...

Thực hiện việc tiếp dân theo quy định, giải quyết các thắc mắc của dân liên quan đến công ty kịp thời. Tham gia các đoàn kiểm tra, khiếu nại của công ty.

3.12 Các đơn vị thuộc công ty

STT	Đơn vị
1	NÔNG TRƯỜNG CAO SU BÓ LÁ
	Nông trường hiện nay quản lý 1.601,66 ha cao su bao gồm 1.222,30 ha cao su kinh doanh và 379,36 ha cao su kiến thiết cơ bản. Nông trường có 6 đội sản xuất.
2	NÔNG TRƯỜNG CAO SU HƯNG HOÀ
	Nông trường hiện nay quản lý 2.592,63 ha cao su bao gồm 1.917,26 ha cao su kinh doanh và 675,37 ha cao su kiến thiết cơ bản. Nông trường có 11 đội sản xuất và 01 đội vườn ươm, vườn nhân.
3	NÔNG TRƯỜNG CAO SU TÂN HƯNG
	Nông trường hiện nay quản lý 2.922,77 ha cao su bao gồm 2.313,90 ha cao su kinh doanh và 608,87 ha cao su kiến thiết cơ bản. Nông trường có 12 đội sản xuất.
4	NÔNG TRƯỜNG CAO SU LAI UYÊN



	Nông trường hiện nay quản lý 2.074,84 ha cao su bao gồm 1.935,43 ha cao su kinh doanh và 139,41 ha cao su kiến thiết cơ bản. Nông trường có 9 đội sản xuất.
5	NÔNG TRƯỜNG CAO SU VĨNH BÌNH
	Nông trường hiện nay quản lý 1.688,26 ha cao su bao gồm 1.399,68 ha cao su kinh doanh và 288,58 ha cao su kiến thiết cơ bản. Nông trường có 6 đội sản xuất.
6	NÔNG TRƯỜNG CAO SU HỘI NGHĨA
	Nông trường hiện nay quản lý 2.124,45 ha cao su bao gồm 1.747,22 ha cao su kinh doanh và 377,23 ha cao su kiến thiết cơ bản. Nông trường có 8 đội sản xuất.
7	NÔNG TRƯỜNG CAO SU NHÀ NAI
	Nông trường hiện nay quản lý 2.528,01 ha cao su bao gồm 2.412,27 ha cao su kinh doanh và 115,74 ha cao su kiến thiết cơ bản. Nông trường có 12 đội sản xuất.
8	XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ CHẾ BIẾN XÂY DỰNG
	Bao gồm 03 nhà máy chế biến mủ cao su:
8.1	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN BỐ LÁ
	Năng suất nhà máy là 6.000 tấn/năm, gồm 1 dây chuyền sơ chế mủ cốm (6.000 tấn/năm)
8.2	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN MỦ LY TÂM
	Năng suất nhà máy là 3.000 tấn/năm
8.3	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CUA PARIS
	Năng suất nhà máy là 18.000 tấn/năm, gồm 2 dây chuyền sơ chế mủ cốm (12.000 tấn/năm) và 1 dây chuyền sơ chế mủ tạp (6.000 tấn/năm)

4. Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm ngày 06/07/2009

Tính đến ngày 06/07/2009, Công ty Cao su Phước Hòa có 01 cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của công ty:



STT	TÊN CỔ ĐỒNG	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐKKD	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (VND)	TỶ LỆ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP.HCM	4106000341	54.158.406	541.584.060.000	66,62
	Tổng cộng			54.158.406	541.584.060.000	66,62

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

4.2 Cơ cấu cổ đông công ty tại thời điểm 06/07/2009

	Cơ cấu vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị (1.000đồng)	Tỷ lệ vốn góp
I	Pháp nhân	71.365.830	713.658.300	87,78%
	Cá nhân	9.462.187	80.616.870	11,64%
	Cổ phiếu quỹ đến ngày 06/07/2009(*)	471.983	4.719.830	0,58%
II	Cổ đông trong nước	70.866.588	708.665.880	87,17%
	Cổ đông nước ngoài	9.961.429	99.614.290	12,25%
	Cổ phiếu quỹ đến ngày 06/07/2009(*)	471.983	4.719.830	0,58%
III	Cổ đông trong C.ty và Nhà nước	60.530.306	605.303.060	74,45%
	Cổ đông ngoài	20.297.711	202.977.110	24,97%
	Cổ phiếu quỹ đến ngày 06/07/2009(*)	471.983	4.719.830	0,58%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

(*) Hiện nay, Công ty Cao su Phước Hòa có 02 đợt mua cổ phiếu quỹ:

- Đợt 1 (25/09/2008 – 25/12/2008): Công ty mua được 461.983 cổ phiếu quỹ
- Đợt 2 (01/03/2009 – 31/05/2009): Công ty mua được 10.000 cổ phiếu quỹ

Như vậy, lũy kế cả hai đợt tính đến ngày 31/05/2009, Công ty đã mua được **471.983** cổ phiếu quỹ.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết;

5.1 Danh sách công ty nắm quyền chi phối Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa tại thời điểm 30/06/2009

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối với Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (PHURUCO). Hiện nay, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đang nắm giữ 66,62 % vốn điều lệ công ty PHURUCO.

Tên công ty:	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
Tên giao dịch Quốc tế:	Vietnam Rubber Group
Tên viết tắt:	VRG
Trụ sở văn phòng chính:	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Q.3 - TP. HCM, Việt Nam.
Điện thoại:	84.08.39325234 – 39325 235
Fax:	84.08.39327 341 – 39325 233

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được thành lập theo Quyết định 248/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm hình thành Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và Quyết định số 249/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam là tập đoàn đa sở hữu, trong đó Nhà nước sở hữu chi phối về vốn, trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

Các ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam bao gồm :

- Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su;
- Chăn nuôi gia súc, trồng các loại cây công nghiệp, chế biến nông sản;
- Công nghiệp cao su : Sản xuất, mua bán sản phẩm công nghiệp, cao su, nguyên phụ liệu ngành công nghiệp cao su;
- Trồng rừng và sản xuất, mua, bán các sản phẩm nguyên liệu (mủ cao su), gỗ thành phẩm;
- Công nghiệp điện : Đầu tư xây dựng, khai thác, vận hành các nhà máy thủy điện, nhiệt điện; bán điện cho các hộ kinh doanh và tiêu dùng theo qui định của pháp luật;
- Quản lý, khai thác cảng biển. Kinh doanh vận tải hàng đường bộ, đường thủy nội địa. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Dịch vụ giám định thương mại;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không hoạt động dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);

5.2 Danh sách công ty mà công ty niêm yết nắm quyền chi phối tại thời điểm 30/06/2009

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát
Địa chỉ :	xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
Vốn điều lệ:	50 tỷ
Tỷ lệ vốn góp so với VDL dự kiến:	65%

Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát được thành lập ngày 12/09/2007 với ngành nghề kinh doanh chính là khai thác và chế biến gỗ.

Tới ngày 30/06/2009, tổng vốn đầu tư lũy kế của Công ty CP Cao su Phước Hoà vào Công ty CP Cao su Trường Phát là 6,5 tỷ đồng (chiếm 13% Vốn điều lệ dự kiến). Do vướng một số thủ tục về đất đai nên dự án đã triển khai chậm so với kế hoạch ban đầu. Hiện tại, công ty Cổ Phần Cao su Trường Phát đang trong giai đoạn triển khai dự án, chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh nên Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa không lập BCTC hợp nhất năm 2008.

5.3 Danh sách công ty liên kết mà công ty niêm yết đang nắm giữ cổ phần tại thời điểm 30/06/2009

	Tên Công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn góp của PHURUCO	Số vốn góp lũy kế của PHURUCO đến ngày 30/06/09 (triệu đồng)
1	Công ty TNHH đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng cao su Việt Nam	200.000	30,262%	60.524
	Trụ sở: Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư các dự án giao thông và xây dựng theo phương thức BOT và các ngành dịch vụ khác.			
2	Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên (GD 1)	90.000	28,308%	25.477
	Địa chỉ : xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ngành nghề kinh doanh : Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Thi công công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông cầu đường; san lấp mặt bằng, kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng; Trồng và khai thác, chế biến, kinh doanh nguyên liệu, sản phẩm gỗ rừng trồng; kinh doanh dịch vụ bến cảng, ủy thác xuất nhập khẩu; kinh doanh nhà hàng khách sạn; đầu tư tài chính.			
Tổng cộng		290.000		86.001

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

5.4 Danh sách công ty mà công ty niêm yết đầu tư dài hạn tại thời điểm 30/06/2009

	Tên Công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn góp của PHURUCO	Số vốn góp lũy kế của PHURUCO đến ngày 30/06/2009 (triệu đồng)
1.	Công ty cổ phần thủy điện Geruco Sông Côn (GD1)	300.000	19%	57.000
	Ngành nghề kinh doanh : Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn đầu tư xây dựng dự án thủy điện, nhận thầu xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, cầu cảng, công trình đường bộ, sân bay; công trình đường điện và trạm biến điện; thi công công trình cấp thoát nước; kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê; kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ khách sạn, xuất nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm. Đến ngày 30/06/2009, Công ty Cao su Phước Hòa đã góp đủ theo tỷ lệ góp vốn 19%			
2.	Công ty Cổ phần Cao su TPHCM	200.000	15%	4.888
	Ngành nghề kinh doanh: Khai hoang, trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ cây cao su. Sản xuất mua bán, chế biến nông lâm sản xuất khẩu. Đến ngày 30/06/2009, Công ty Cao su Phước Hòa chưa góp đủ theo tỷ lệ góp vốn, chỉ mới góp được 2,44%			
3.	Công ty cổ phần cao su Sơn La	200.000	10%	11.674
	Ngành nghề kinh doanh : Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su; dịch vụ hỗ trợ trồng mới, trồng rừng; chăn nuôi gia súc, chế biến gỗ, đại lý mua bán phân bón, xuất nhập khẩu cao su. Đến ngày 30/06/2009, Công ty Cao su Phước Hòa chưa góp đủ theo tỷ lệ góp vốn, chỉ mới góp được 5,84%			
4.	Công ty cổ phần cao su Quasa Geruco Lào	500.000	10%	18.300
	Ngành nghề kinh doanh : Trồng mới và chăm sóc cao su; Tiêu thụ sản phẩm cao su; kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ khách sạn, nhà hàng; kinh doanh bất động sản; chăn nuôi, xuất nhập khẩu cao su. Đến ngày 30/06/2009, Công ty Cao su Phước Hòa chưa góp đủ theo tỷ lệ góp vốn, chỉ mới góp được 3,66%			
5.	Công ty cổ phần đầu tư Sài Gòn VRG	250.000	12%	9.485
	Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp. Đến ngày 30/06/2009, Công ty Cao su Phước Hòa chưa góp đủ theo tỷ lệ góp vốn, chỉ mới góp được 3,79%			

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

**5.5 Các dự án công ty đầu tư trực tiếp.**

	Tên Công ty	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn góp của PHURUCO	Số vốn góp lũy kế của PHURUCO đến ngày 30/06/2009 (triệu đồng)
1.	Công ty TNHH phát triển cao su Phước Hòa – Kampong Thom	935.000	40% vốn tự có 60% vốn vay	61.279
Ngành nghề kinh doanh : Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su. Tổng diện tích của dự án là 9.184 ha Hiện tại công ty đang tiến hành khai hoang, năm 2009 công ty sẽ trồng mới khoảng 500 ha.				
2.	Khu công nghiệp Hòa Bình (Bình Dương)	100.000	60%	646
Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Quy mô diện tích khoản 600 ha Hiện tại dự án đang trong giai đoạn chờ Chính Phủ phê duyệt.				
3.	Khu dân cư NT Tân Hưng (12 ha) Khu dân cư NT Lai Uyên (10 ha)	48.000 42.000	100%	
Đầu tư xây dựng và phân lô bán nền nhà khu dân cư. Hiện tại dự án đang trong giai đoạn lập dự án đầu tư.				

6. Hoạt động kinh doanh**6.1 Sản phẩm kinh doanh chủ yếu của công ty****6.1.1 Sản phẩm cao su**

Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa với các mặt hàng truyền thống cao su bao gồm:

Sản phẩm	Mô tả
Latex HA, Latex LA	* <i>Yêu cầu kỹ thuật của mủ cao su Latex HA theo TCVN 6314:1997</i> - Tổng hàm lượng chất rắn, % (m/m), không nhỏ hơn: 61,5 - Hàm lượng cao su khô, % m/m, không nhỏ hơn: 60 - Chất không chứa cao su (m/m), không lớn hơn: 2,0 - Độ kiềm (NH ₃), % m/m, tính theo khối lượng Latex cô đặc: 0,60 - Tính ổn định cơ học, giây, không nhỏ hơn: 650 - Trị số axit béo bay hơi (VFA), không lớn hơn: 0,20 - Trị số KOH, không lớn hơn 1,00
SVR CV 50 -	* Các chỉ tiêu hóa lý của cao su SVR CV 50 theo TCVN 3769:2004

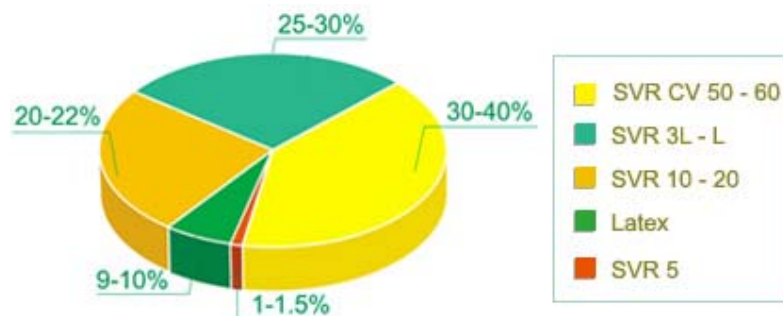


<p>60</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng chất bẩn giữ lại trên rây 45mm, % m/m, không lớn hơn: 0,02 - Hàm lượng tro, % m/m, không lớn hơn: 0,40 - Hàm lượng nitơ, % m/m, không lớn hơn: 0,60 - Hàm lượng chất bay hơi, % m/m, không lớn hơn: 0,80 - Độ dẻo đầu (Po) không nhỏ hơn: - - Chỉ số duy trì độ dẻo (PRI), không nhỏ hơn: 60 - Chỉ số màu Lovibond, mẫu đơn, không lớn hơn: - - Độ nhớt Mooney ML(1'+4') 1000C: 50+-5 <p>* Các chỉ tiêu hóa lý của cao su SVR CV 60 theo TCVN 3769:2004</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng chất bẩn giữ lại trên rây 45mm, % m/m, không lớn hơn: 0,02 - Hàm lượng tro, % m/m, không lớn hơn: 0,40 - Hàm lượng nitơ, % m/m, không lớn hơn: 0,60 - Hàm lượng chất bay hơi, % m/m, không lớn hơn: 0,80 - Độ dẻo đầu (Po) không nhỏ hơn: - - Chỉ số duy trì độ dẻo (PRI), không nhỏ hơn: 60 - Chỉ số màu Lovibond, mẫu đơn, không lớn hơn: - - Độ nhớt Mooney ML(1'+4') 1000C: 60+-5
<p>SVR L - 3L</p>	<p>Các chỉ tiêu hóa lý của cao su SVR 3L theo TCVN 3769:2004</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng chất bẩn giữ lại trên rây 45mm, % m/m, không lớn hơn: 0,03 - Hàm lượng tro, % m/m, không lớn hơn: 0,50 - Hàm lượng nitơ, % m/m, không lớn hơn: 0,60 - Hàm lượng chất bay hơi, % m/m, không lớn hơn: 0,80 - Độ dẻo đầu (Po) không nhỏ hơn: 35 - Chỉ số duy trì độ dẻo (PRI), không nhỏ hơn: 60 - Chỉ số màu Lovibond, mẫu đơn, không lớn hơn: 6 - Độ nhớt Mooney ML(1'+4') 1000C
<p>SVR 5</p>	<p>* Các chỉ tiêu hóa lý của cao su SVR 5 theo TCVN 3769:2004</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng chất bẩn giữ lại trên rây 45mm, % m/m, không lớn hơn: 0,05 - Hàm lượng tro, % m/m, không lớn hơn: 0,60 - Hàm lượng nitơ, % m/m, không lớn hơn: 0,60 - Hàm lượng chất bay hơi, % m/m, không lớn hơn: 0,80 - Độ dẻo đầu (Po) không nhỏ hơn: 30 - Chỉ số duy trì độ dẻo (PRI), không nhỏ hơn: 60 - Chỉ số màu Lovibond, mẫu đơn, không lớn hơn: - - Độ nhớt Mooney ML(1'+4') 1000C

SVR 10 - 20	<p>* Các chỉ tiêu hóa lý của cao su SVR 10 theo TCVN 3769:2004</p> <ul style="list-style-type: none">- Hàm lượng chất bần giữ lại trên rây 45mm, % m/m, không lớn hơn: 0,08- Hàm lượng tro, % m/m, không lớn hơn: 0,60- Hàm lượng nitơ, % m/m, không lớn hơn: 0,60- Hàm lượng chất bay hơi, % m/m, không lớn hơn: 0,80- Độ dẻo đầu (Po) không nhỏ hơn: 30- Chỉ số duy trì độ dẻo (PRI), không nhỏ hơn: 50- Chỉ số màu Lovibond, mẫu đơn, không lớn hơn: -- Độ nhớt Mooney ML(1'+4') 1000C <p>* Các chỉ tiêu hóa lý của cao su SVR 20 theo TCVN 3769:2004</p> <ul style="list-style-type: none">- Hàm lượng chất bần giữ lại trên rây 45mm, % m/m, không lớn hơn: 0,16- Hàm lượng tro, % m/m, không lớn hơn: 0,80- Hàm lượng nitơ, % m/m, không lớn hơn: 0,60- Hàm lượng chất bay hơi, % m/m, không lớn hơn: 0,80- Độ dẻo đầu (Po) không nhỏ hơn: 30- Chỉ số duy trì độ dẻo (PRI), không nhỏ hơn: 40- Chỉ số màu Lovibond, mẫu đơn, không lớn hơn: -- Độ nhớt Mooney ML(1'+4') 1000C
--------------------	---

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

Cơ cấu từng loại sản phẩm trên trong danh mục công ty được thể hiện ở biểu đồ sau:



Sản phẩm kinh doanh chủ yếu của Công ty là mặt hàng có lợi thế khi Việt Nam gia nhập WTO, cụ thể nhóm hàng cao su có thuế suất xuất khẩu 0%, trong khi thuế nhập khẩu sẽ được EU, Mỹ, Trung Quốc v.v... cắt giảm dần theo đúng lộ trình cắt giảm thuế đã thỏa thuận với Việt Nam.

6.1.2 Khu dân cư

Do một số diện tích vườn cây cao su của Công ty nằm trong vùng quy hoạch khu dân cư của tỉnh Bình Dương cho nên Công ty đã tận dụng lợi thế của mình để khai thác các diện

tích này nhằm mục đích kinh doanh bất động sản thông qua dự án Khu Dân cư Phước Hoà.

❖ **Giới thiệu dự án:**

Trong những năm qua, tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương đã có những bước phát triển nhảy vọt và dần chuyển sang nền kinh tế công nghiệp theo hướng hiện đại. Với vị trí nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam, Bình Dương ngày càng thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đây để đầu tư sản xuất kinh doanh, nhiều người dân từ các tỉnh khác đến đây để lập nghiệp. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng hướng đã tạo ra hàng ngàn công ăn việc làm, cải thiện sâu sắc đời sống của người dân trong tỉnh.

Trong xu thế đó, tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Phú Giáo, đời sống nhân dân ngày một được nâng lên. Từ đó, nhu cầu về xây dựng một khu dân cư tập trung trên địa bàn với đầy đủ cơ sở hạ tầng : đường giao thông, trường học, trung tâm y tế, cây xanh, hệ thống điện nước,...là một yêu cầu cấp thiết.

Chính vì vậy, Khu dân cư Phước Hòa do Công ty CP cao su Phước Hòa đầu tư một phần nào đó đáp ứng nhu cầu chỗ ở của nhân dân xã Phước Hòa nói riêng và những người từ các tỉnh khác đến lập nghiệp trên địa bàn huyện Phú Giáo nói chung góp phần phát triển kinh tế xã hội cho huyện Phú Giáo.

- Vị trí : Khu dân cư Phước Hòa tọa lạc tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Nằm dọc theo trục quốc lộ 14 (ĐT 741) nối liền tỉnh Bình Dương và các tỉnh Tây nguyên.
- Diện tích tự nhiên: 357.263m².
- Kiến trúc quy hoạch toàn khu: tạo ra không gian kiến trúc phong phú, có những điều kiện thuận lợi cho những cư dân sinh sống tại khu vực này.

Phối cảnh thiết kế của khu Dân cư Phước Hoà



PHỐI CẢNH HÀNG MỤC
DÂY NHÀ PHỐ MẪU A - 3 TẦNG



PHỐI CẢNH HÀNG MỤC
KHU NHÀ VƯỜN MẪU A - 2 TẦNG



PHỐI CẢNH HÀNG MỤC
TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI

Bảng cân bằng đất

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1.	Đất ở	185.660	51,07
	- Nhà phố liên kế	95.509	26,27
	- Nhà vườn	78.315	21,54
	- Nhà cao tầng	12.286	3,38
2.	Đất công trình công cộng	37.079	10,20

3.	Đất vườn hoa - cây xanh – TĐTT	25.777	7,09
4.	Đất giao thông	113.408	31,19
5	Đất dự trữ phát triển	1.646	0,45
	Tổng cộng	363.570	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

❖ Tổng mức đầu tư của dự án

STT	Hạng mục	Thành tiền (1.000 đồng)
I.	Đầu tư cơ sở hạ tầng	63.906.700
1	<i>Xây lắp</i>	<i>47.480.000</i>
	+ San lấp mặt bằng	6.163.000
	+ Giao thông	14.020.000
	+ Thoát nước	10.387.000
	+ Thoát nước thải	7.254.000
	+ Cấp nước và PCCC	4.086.000
	+ Hệ thống điện	4.300.000
	+ Cây xanh	1.270.000
2	<i>Chi phí khác</i>	<i>10.617.000</i>
	+ Đền bù, Giải tỏa	4.311.000
	+ Chi phí quyền sử dụng đất	1.120.000
	+ Chi phí đầu tư xây dựng	5.186.000
3	<i>Dự phòng phí 10% (1+2)</i>	<i>5.809.700</i>
II.	Đầu tư nhà ở	23.751.000
III.	Tổng mức đầu tư (I+II)	87.657.700
IV.	Chi phí đầu tư bình quân (chưa tính thuế chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất thổ cư)	87.657.700
	1m ² đất kinh doanh kể cả chung cư	350.208 VND/m ²

1m2 đất nhà, đất kinh doanh	480.364 VND/m2
-----------------------------	----------------

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà)

❖ Tình hình thực hiện dự án

Hiện tại, khu dân cư Phước Hòa đang trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án. Dự án được chia làm hai : Khu Tây và khu Đông. Trong đó:

- Khu Tây đang trong giai đoạn hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, ước khối lượng thực hiện đạt 95%.
- Khu Đông đang triển khai phần xây dựng hệ thống đường giao thông và hệ thống thoát nước, tiến độ đạt tỷ lệ 70%.

Khối lượng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

STT	Hạng mục	Khối lượng hoàn thành	Giá trị (triệu đồng)
	GĐ1: Khu Tây		33.617
1	San lấp mặt bằng	100%	1.550
2	Đường giao thông, hệ thống thoát nước	100%	16.396
3	Hệ thống điện tổng	100%	1.284
4	Hệ thống nước	95%	1.464
5	Cây xanh	100%	325
6	Thuế chuyển mục đích SĐĐ	100%	12.598
	GĐ1: Khu Đông		6.883
1	San lấp mặt bằng	100%	743
2	Đường giao thông, hệ thống thoát nước	70%	6.140
	Tổng cộng		40.500

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà)

❖ Bán nền dự án

- Khu Tây : Tính đến thời điểm 30.06.2009, tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng khoảng 84 tỷ đồng, giá trị tiền khách hàng ứng trước cho Công ty ước khoảng 69 tỷ đồng (số lượng nền chuyển nhượng khoảng 740 nền / 800 nền).
- Khu Đông : Tổng giá trị hợp đồng dự kiến khoảng 37 tỷ đồng (khoảng 300 nền – 47.033 m2), tính đến ngày 30.06.2009 giá trị khách đã ứng trước 3,6 tỷ đồng.

6.2 Sản lượng – Doanh thu sản phẩm công ty qua các năm 2006, 2007 và 2008

STT	Sản phẩm	Sản lượng tiêu thụ 2006		Sản lượng tiêu thụ 2007		Sản lượng tiêu thụ 2008	
		Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đ)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đ)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đ)
1	Latex HA 60%	2.465,766	84.032	3.084,840	109.925	2.914,455	131.062
2	Latex LA 60%	344,651	11.964	84,092	2.395		
3	SVR CV50	1.835,105	62.677	2.126,880	77.004	1.695,980	75.672
4	SVR CV60	8.557,250	284.351	8.612,225	303.424	9.733,195	444.925
5	SVR L	2.188,360	69.308	2.082,005	71.805	1.410,560	64.013
6	SVR 3L	8.682,405	271.112	7.616,210	257.428	6.915,995	272.262
7	SVR 5	497,633	13.083	354,500	11.173	271,420	10.996
8	SVR 10	4.714,005	137.107	6.454,893	212.094	5.881,315	230.366
9	SVR 20	1.911,630	56.780	1.219,330	39.018	533,190	21.795
10	Skim Block	131,780	2.542	238,134	5.628	193,267	5.433
11	Mủ khác	375,210	3.843	361,703	3.743	675,732	6.219
Tổng cộng		31.703,795	997.799	33.234,812	1.093.638	30.225,109	1.262.741

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

6.3 Diện tích vườn cây cao su**Năng suất khai thác vườn cây cao su của Công ty giai đoạn 2005 – 2008**

Năng suất	ĐVT	2005	2006	2007	2008
Diện tích khai thác	ha	14.358,44	13.812,88	13.304,27	12.509,00
Năng suất	Tấn/ha	1,90	2,00	2,01	2,01
Sản lượng khai thác	Tấn	27.345,87	27.646,21	26.713,76	25.145,03

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

Hiện nay, diện tích vườn cây cao su của Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà khoảng 17.000ha, thuộc nhóm các công ty có quy mô trung bình của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam khi so sánh với: Công ty Cao su Đồng Nai (38.110ha), Công ty Cao su Dầu Tiếng (29.500ha), Công ty Cao su Phú Riềng (18.000ha)...



Tuy nhiên, điều này được đánh giá là một trong điều kiện thuận lợi trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trong khai thác cao su, với diện tích vườn cây khoảng 12.000-18.000 ha được xem là quy mô hiệu quả kinh tế: không quá lớn sẽ mất thời gian di chuyển giữa các nông trường nhưng cũng không quá nhỏ khiến nhà máy không khai thác hết công suất, gây lãng phí nhân công và máy móc. Hiện nay, diện tích khai thác của công ty có xu hướng giảm do công ty chủ động thanh lý, tái canh chuẩn bị vườn cây cho giai đoạn sau.

Năng suất khai thác vườn cây tương đối ổn định và ở mức cao của ngành (khoảng 2 tấn/ha), đây là tín hiệu tích cực cho việc duy trì và gia tăng sản lượng công ty.

**Diện tích và Năng suất khai thác vườn cây cao su của Công ty
giai đoạn 2009 - 2011**

Năng suất	ĐVT	2009	2010	2011
Diện tích khai thác	ha	12.173,00	11.373,00	11.014,00
Năng suất	Tấn/ha	1,90	1,90	1,90
Sản lượng khai thác	Tấn	23.000,00	21.608,70	20.926,60

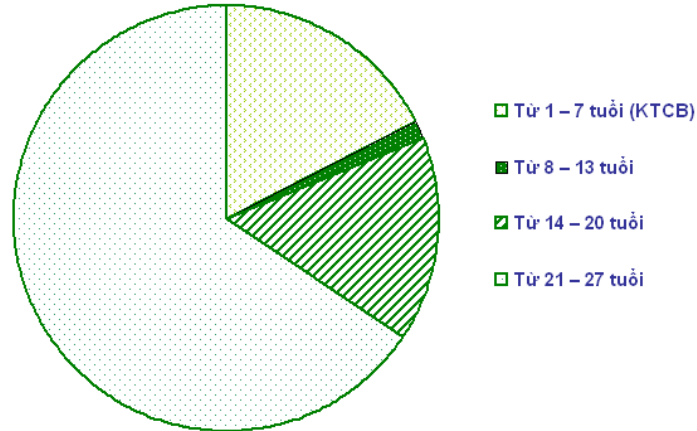
(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

Tuy nhiên, trong thời gian tới, việc gia tăng sản lượng là không thể do Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa đang dần thanh lý vườn cây của mình. Từ 2004 - 2010, hàng năm, công ty thanh lý 600-800 ha để tái canh, trồng lại vườn cây theo yêu cầu và kỹ thuật mới để tăng năng suất vườn cây khai thác.

Diện tích vườn cây thời điểm 01/06/2009

Tuổi cây	Diện tích (ha)
Từ 1 – 7 tuổi (KTCB)	2.584,56
Từ 8 – 13 tuổi	219,29
Từ 14 – 20 tuổi	2.302,85
Từ 21 – 27 tuổi	9.722,92

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)



Theo kế hoạch năm 2009, công ty sẽ thanh lý trồng tái canh khoảng 800 ha. Tuy nhiên, để duy trì sản lượng chế biến đáp ứng nhu cầu của khách hàng, công ty đã tăng cường thu mua mủ cao su từ các hộ tư nhân gần công ty.

Nguồn cung ứng cao su Công ty giai đoạn 2006 – 2007 và 2008

Sản lượng	ĐVT	2006		2007		2008	
		Giá trị	Phần trăm	Giá trị	Phần trăm	Giá trị	Phần trăm
Tự khai thác	Tấn	27.646,21	82,39 %	26.713,76	86,77 %	25.145,03	80,27%
Mua ngoài	Tấn	5.908,03	17,61 %	4.073,41	13,23 %	6.179,90	19,73%
Tổng cộng	Tấn	33.554,24	100 %	30.787,17	100 %	31.324,93	100%

(Nguồn: Công ty CP Cao su Phước Hòa)

Với diện tích khai thác hàng năm giảm (do thanh lý trồng tái canh) làm cho sản lượng tự khai thác hàng năm của Công ty cũng giảm theo từ mức gần 28.760 tấn năm 2004; 27.300 tấn năm 2005; 27.646 tấn năm 2006 và 26.713,76 tấn vào năm 2007. Ngoài ra, Công ty có tổ chức hoạt động thu mua sản lượng từ bên ngoài đóng góp xấp xỉ 15% tổng sản lượng, tuy nhiên khối lượng thu mua hàng năm không ổn định và năm 2005 giảm còn khoảng 12% tổng sản lượng, năm 2006 tăng lên 17.6% tổng sản lượng, và năm 2007 giảm lại còn 13,23%. Tuy rằng hiệu quả và lợi nhuận của mảng thu mua từ bên ngoài chưa cao, nhưng nếu Doanh nghiệp có chính sách thu mua hợp lý, giá cả linh hoạt khi đó sản lượng thu mua nhiều và ổn định hơn sẽ giúp Doanh nghiệp tận dụng tối đa công suất chế biến, tăng thị phần và giảm được chi phí trong tình hình thanh lý vườn cây giai đoạn 2004-2010.

6.4 Chi phí sản xuất

Các chi phí lớn của công ty chủ yếu là chi phí nhân công, chi phí phân bón, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng. Trong đó, chi phí nhân công luôn chiếm tỷ trọng khá lớn

do công ty hoạt động trong ngành nông nghiệp, với mức tỷ lệ thâm dụng lao động khá cao, chiếm một phần lớn trong giá vốn hàng bán của công ty (lương công nhân chiếm khoảng 50% giá thành). Hiểu rõ tầm quan trọng của yếu tố lao động đối với sự tồn tại và phát triển của mình, Công ty cổ phần cao su Phước Hòa luôn chú trọng chăm sóc đời sống của công nhân, thường xuyên nâng cao trình độ tay nghề thợ cạo mủ nhằm đạt sản lượng cao nhất.

Yếu tố đứng thứ hai trong chí phí của công ty là chi phí bán hàng. Để có thể thu hút được các khách hàng lớn (có tiềm năng thu mua sản lượng cao và có thể hỗ trợ công ty về mặt kỹ thuật), công ty luôn có chế độ hậu mãi thích ứng. Tuy nhiên, không vì thế mà chi phí cho bán hàng của công quá cao trong thời gian qua: chi phí bán hàng tuy tăng từ 10 tỷ (năm 2006) lên 15 tỷ (năm 2007) và 14,5 tỷ (2008) nhưng tỷ trọng trong tổng chi phí chỉ trong khoảng 1.6% đến 2%.

Ngoài ra, trong thời gian qua, công ty đã cố gắng giảm chi phí quản lý của mình đến mức có thể nhằm làm giảm chi phí, từ 40 tỷ (năm 2006) lên 42 tỷ (năm 2007), 48 tỷ (2008) nhưng tỷ trọng trong tổng chi phí lại giảm từ 6,17% (năm 2006) xuống còn 5,47% (năm 2007) và 5,17% (năm 2008).

Cơ cấu chi phí của công ty từ 2006 đến nay

Chi phí	2006		2007		2008	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Giá vốn hàng bán	602.034.011.979	90,85%	695.986.240.910	90,28%	839.628.995.055	89,94%
Chi phí quản lý	40.865.588.871	6,17%	42.166.819.157	5,47%	48.221.204.658	5,17%
Chi phí bán hàng	10.756.183.949	1,62%	15.210.647.496	1,97%	14.501.421.532	1,55%
Chi phí tài chính	2.886.886.702	0,44%	2.686.162.247	0,35%	14.234.806.445	1,52%
Chi phí khác	6.094.109.021	0,92%	14.903.796.628	1,93%	16.990.414.036	1,82%
Tổng cộng CP	662.636.780.522	100%	770.953.666.628	100%	933.576.841.726	100%
Doanh thu	1.001.076.776.706		1.097.341.188.998		1.268.070.442.485	
Tỷ lệ Chi phí / Doanh thu	66,17%		70,26%		73,62%	

(Nguồn: Công ty cổ phần cao su Phước Hòa)

Khi so sánh tỷ lệ Chi phí/ Doanh thu của các đơn vị hoạt động cùng ngành (khoảng 71,5 %) năm 2008 thì tỷ lệ của Công ty Cao su Phước Hòa thuộc dạng trung bình ngành (70%), thể hiện mức độ kiểm soát và hạn chế chi phí của công ty phù hợp với điều kiện và các yếu tố của ngành. Khi xét cơ cấu các phần trong chi phí, thì tỷ lệ giá vốn hàng bán so với tổng chi phí của Phước Hòa khá cao so với mức trung bình các công ty trong ngành, năm 2008 chỉ

số này của công ty là 89,94% cao hơn so với trung bình ngành (khoảng 85,6%). Điều này thể hiện chi phí trong công ty cao su Phước Hòa hầu hết đều phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.5 Trình độ công nghệ

Với dây chuyền sản xuất được đầu tư đồng bộ, công nghệ tiên tiến để sản xuất ra những sản phẩm đảm bảo chất lượng. Nguồn gốc dây chuyền sản xuất có xuất xứ từ Malayxia, Các dây chuyền công nghệ này được nhiều đơn vị trong ngành sử dụng. Hiện tại công ty có 3 nhà máy chế biến với 4 dây chuyền sản xuất (1 dây chuyền sản xuất mũ nước được cải tạo từ năm 1994, 1 dây chuyền đầu tư năm 1997, 1 dây chuyền sản xuất mũ tạp đầu tư năm 2001 và 1 dây chuyền sản xuất mũ ly tâm đầu tư năm 2003) với tổng công suất có thể lên đến 30.000 tấn/năm. Trình độ tay nghề của công nhân luôn đảm bảo để sử dụng những công nghệ tiên tiến. Hàng năm công ty đầu tư các máy móc thiết bị sản xuất và kiểm phẩm có nguồn gốc từ các nước phát triển để kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào cũng như thành phẩm ở đầu ra.

Hàng năm công ty đều có chế độ bảo dưỡng định kỳ nhằm giữ cho thiết bị luôn vận hành tốt và sản xuất ra các sản phẩm đạt chất lượng.

6.6 Tình hình nghiên cứu và đầu tư sản phẩm mới

Hàng năm công ty có kế hoạch đưa vào cạo tận thu những vườn cây cho năng suất thấp rồi đưa vào thanh lý trồng tái canh nhằm thay thế những giống cây cho năng suất cao, kháng được sâu bệnh. Ứng dụng các công nghệ mới để khai thác tận thu được nhiều sản phẩm, chất lượng đảm bảo. Hiện nay, công ty đang đưa vào trồng các giống cây mới có năng suất và mật độ cao, cụ thể là các giống sau: *PB260, RIV1, RIV3, RIV5,...*

Trong những năm vừa qua, Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và uy tín của công ty trên thị trường trong nước cũng như thế giới. Qua đó, đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng. Sản phẩm của công ty ngày càng được khách hàng ưa chuộng trên thị trường. Công ty luôn có chiến lược phát triển những sản phẩm phù hợp với yêu cầu của khách hàng, có giá trị gia tăng cao.

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Trong quá trình đào tạo, nhân viên trong công ty đã được huấn luyện về cách thức cạo mũ, thu mũ về, ... đảm bảo chất lượng và đúng yêu cầu kỹ thuật. Khi thu mũ từ các nông trường về nhà máy chế biến sẽ có nhân viên phòng KCS kiểm tra chất lượng mũ nhằm đưa ra các phương án xử lý hoặc đưa vào sản xuất loại mũ thích hợp. Sản phẩm sau khi sản xuất được phòng KCS kiểm tra một lần nữa trước khi xuất xưởng. Vì thế, sản phẩm của công ty đều được các cán bộ phòng KCS công ty kiểm soát chất lượng một cách chặt chẽ từ khâu lấy mẫu, kiểm mẫu, lưu mẫu và lập hồ sơ. Do vậy, công ty tự hào là một trong những công



ty không có tranh chấp khiếu kiện về chất lượng sản phẩm trong nhiều năm mặc dù sản phẩm của công ty thuộc nhóm các sản phẩm nông nghiệp, chịu ảnh hưởng của tác động thiên nhiên.

Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ kiểm tra chất lượng sản phẩm có tay nghề, được đào tạo cơ bản, từ đó, chất lượng sản phẩm của công ty luôn đảm bảo, đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và được khách hàng đánh giá cao. Hàng năm công ty đều có những đề tài nghiên cứu nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm, giúp rút ngắn quá trình kiểm tra nhưng kết quả vẫn đảm bảo.

Hiện nay, Công ty cổ phần cao su Phước Hòa đang duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

6.8 Quy trình sản xuất sản phẩm



H1



H2



H3



H4



H5



H6

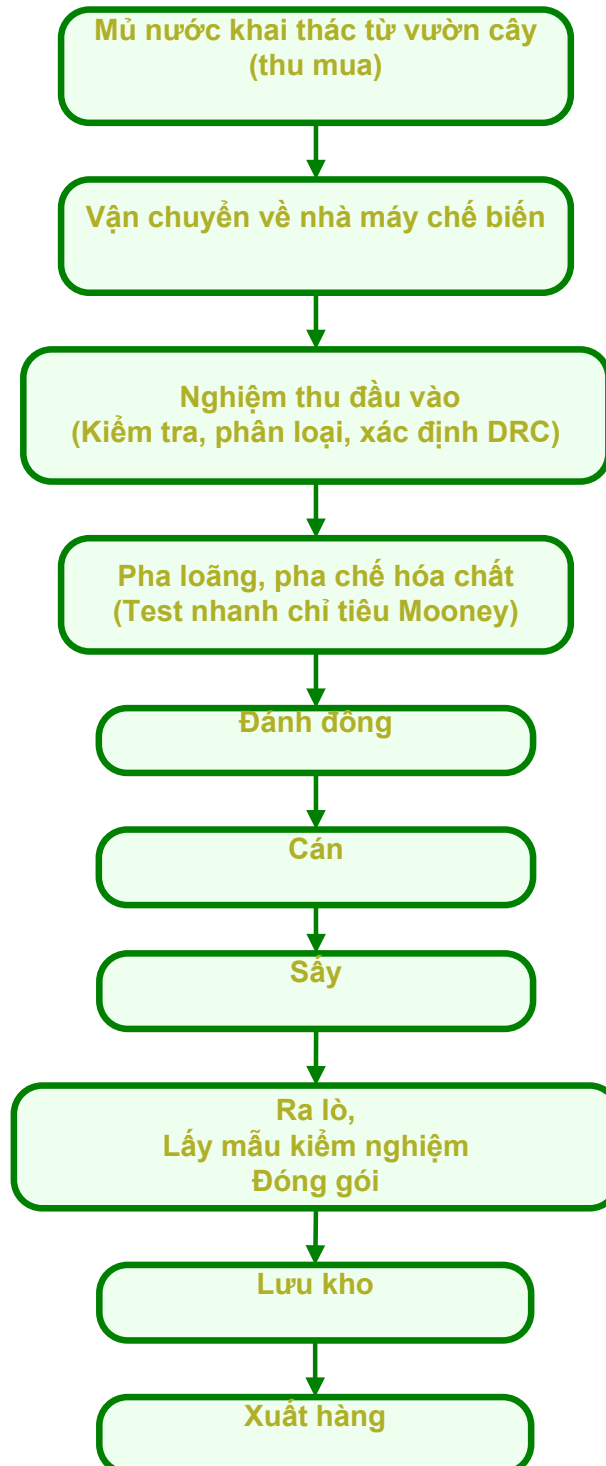


H7



H8

Quy trình sản xuất mũ cao su được thể hiện cụ thể qua sơ đồ sau:



6.9 Hoạt động marketing

Trong những năm vừa qua, Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa đã mạnh dạn đầu tư công nghệ, xây dựng hệ thống Nhà máy phù hợp để có đủ cơ cấu sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Sản phẩm hàng hóa của Công ty được các khách hàng trong nước và trên thế giới ưa chuộng, chất lượng cao, màu sắc đẹp, đảm bảo uy tín trong việc giao nhận hàng.

Trong những năm đất nước khó khăn (giai đoạn 1990 -1995), Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa đã chủ động tìm kiếm nguồn khách hàng thông qua các hội chợ ngành cao su trong và ngoài nước, tìm hiểu nhu cầu và giới thiệu chất lượng sản phẩm với các đối tác, ... Do vậy, công ty đã tìm được nguồn khách hàng ổn định và lâu dài, đảm bảo kết quả kinh doanh của công ty. Từ đó đến nay, Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa luôn tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm và uy tín công ty để khẳng định thương hiệu của công ty trên thị trường, ngày càng có nhiều khách hàng ưa chuộng. Công ty luôn đáp ứng và duy trì sự phục vụ đối với những khách hàng truyền thống, bởi vì đối tượng khách hàng này luôn gắn bó với công ty kể cả trong lúc công ty gặp khó khăn, bên cạnh đó công ty luôn tìm kiếm những khách hàng có tiềm năng trong tương lai.

Định kỳ công ty tổ chức tiếp nhận thông tin và ý kiến khách hàng nhằm tiếp thu những mặt chưa tốt trong công tác phục vụ khách hàng cũng như những ý kiến đóng góp cho sản phẩm ngày càng đạt chất lượng cao hơn. Đồng thời công ty cũng hoàn thiện và nâng cao văn hóa trong phục vụ khách hàng.

Hiện nay, Công ty đang chuyển dịch cơ cấu theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, đầu tư vào những lĩnh vực mang lại giá trị gia tăng cao và mở rộng đầu tư các dự án như thủy điện, khu công nghiệp, khu dân cư,... nhằm xây dựng một hình ảnh công ty luôn năng động, có tiềm lực về phát triển.

6.10 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền

Công ty cổ phần cao su Phước Hòa xuất hàng với nhãn hiệu : **Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà** với logo



6.11 Các hợp đồng lớn đang hoặc đã được ký kết

Hiện tại công ty đang có quan hệ thương mại với nhiều khách hàng trong nước và nước ngoài, trong đó, có một số khách hàng tiêu biểu như:



KHÁCH HÀNG TRONG NƯỚC	KHÁCH HÀNG NƯỚC NGOÀI
– Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam	– Công ty Jungwoo trading (Hàn Quốc)
– Công ty CP công nghiệp cao su Miền Nam (Casumina)	– Công ty Toyota và công ty Marubeni (Nhật)
– Công ty CP lương thực thực phẩm Miền Nam	– Công ty Weber & Schaer (Đức)
– Công ty XNK thiết bị toàn bộ và kỹ thuật (Techno)	– Công ty ED & Fman (Pháp)
– Công ty Đức Việt	– Công ty Sinoturk(Đài Loan)
– Công ty TNHH Nhật Nam	– Công ty Ravago (Ý)
– Công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư - Petec	– Công ty Tong Teik (Singapore)
– Công ty TNHH thương mại & địa ốc Hồng Phúc.	– Công ty Sintex (Đài Loan)
– ...V..V..	– Công ty NC Group (Mỹ)
	– Công ty R1 (Singapore)
	– Công ty Corrie (Anh)
	– Công ty Fengnian (Singapore)
	– ...V..V..

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà)

Với những khách hàng quen thuộc, hợp đồng bán mủ cao su được ký kết theo từng giai đoạn, tùy theo khả năng sản xuất của công ty vào từng thời điểm. Tuy nhiên, các hợp đồng này thường được ký kết với các khách hàng thân thiết, và khối lượng mủ cao su được bán luôn thấp hơn nhu cầu của khách hàng.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 3 năm 2006, 2007, 2008 và 6 tháng đầu năm 2009

Chỉ tiêu	2006	2007	01/01/2008 – 02/03/2008	03/03/2008 – 31/12/2008	01/01/2009 – 30/06/09
Tài sản và nguồn vốn					
Tổng tài sản	941.230.274.579	1.548.414.234.572	2.758.524.144.917	1.823.708.154.777	1.685.550.949.923
Tổng nguồn vốn	941.230.274.579	1.548.414.234.572	2.758.524.144.917	1.823.708.154.777	1.685.550.949.923



Kết quả kinh doanh					
Doanh thu thuần	1.001.076.776.706	1.097.341.188.998	175.762.378.234	1.091.577.000.768	330.349.228.839
Giá vốn hàng bán	602.034.011.979	695.986.240.910	102.311.974.946	737.317.020.108	274.197.164.428
Lợi nhuận gộp	399.042.764.727	401.354.948.088	73.450.403.288	354.259.980.660	56.152.064.411
Chi phí bán hàng	10.756.183.949	15.210.647.496	2.368.868.498	12.132.553.034	3.455.323.809
Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.865.588.871	42.166.819.157	7.630.891.088	40.590.313.570	16.574.332.594
Doanh thu tài chính	16.963.124.693	12.635.481.636	5.374.265.758	71.107.955.408	26.773.922.403
Chi phí tài chính	2.886.886.702	2.686.162.247	1.218.247.026	13.016.559.419	1.919.398.525
Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	361.497.229.898	353.926.800.824	67.606.662.434	359.628.510.045	60.976.931.886
Thu nhập khác	38.877.232.496	67.936.528.886	11.649.081.925	44.053.170.375	57.466.577.483
Chi phí khác	6.094.109.021	14.903.796.628	2.247.326.240	14.743.087.796	29.028.299.526
Tổng lợi nhuận trước thuế	394.280.353.373	406.959.533.082	77.008.418.119	388.938.592.624	89.415.209.843
Thuế TNDN phải nộp (25%)	109.903.029.839	113.395.855.138	21.528.794.407	105.485.098.273	21.058.111.280
Lợi nhuận sau thuế	284.377.323.534	293.563.677.944	55.479.623.712	283.453.494.351	68.357.098.563

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

Lưu ý: Do Công ty cổ phần cao su Phước Hòa được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh chính thức là công ty Cổ phần vào ngày 03/03/2008 nên trong năm 2008, Công ty cổ phần cao su Phước Hòa đã tiến hành lập BCTC 02 giai đoạn: từ ngày 01/01/2008 đến ngày 02/03/2008 (trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần) và từ ngày 03/03/2008 đến ngày 31/12/2008.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Việt Nam là một trong những quốc gia có sản lượng cao su cao trên thế giới, nguồn lao động rẻ và dồi dào, khí hậu thích hợp với cây cao su nên có lợi thế để phát triển ngành Cao su. Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa là thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam nên Công ty nhận được sự hỗ trợ từ Tập đoàn, đặc biệt về mặt quản lý, cây giống và kỹ thuật canh tác...

Với kinh nghiệm quản lý lâu năm về cây cao su, trang thiết bị chế biến được đầu tư tương đối hiện đại và kỹ thuật khai thác tiên tiến, thương hiệu từng bước đã được khẳng định trên thị trường thế giới đặc biệt là sản phẩm mủ SVR CV, SVR L, SVR 3L. Sản phẩm của Công ty đã có mặt tại thị trường Châu Âu và Châu Á, Mỹ... đây sẽ là nền tảng vững chắc cho Công ty mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu;

Do đặc điểm chu kỳ sinh trưởng của cây cao su, nên sau khi kết thúc chu kỳ khai thác mủ thì lượng gỗ thu được từ vườn cây cao su là rất lớn, đây cũng là nguồn thu đáng kể và sẽ là cơ hội cho doanh nghiệp mở rộng hoạt động kinh doanh ngành nghề liên quan như chế biến gỗ để gia tăng giá trị tăng thêm;

Mô hình hoạt động của Công ty Cổ phần đã phát huy vai trò làm chủ thật sự của người lao động, gắn kết trách nhiệm của họ với quyền lợi và được hòa cùng với lợi ích của Doanh nghiệp.

Tuy nhiên, do hàng năm phải thanh lý bình quân khoảng 800 ha để trồng tái canh nhằm mục đích thay đổi giống cây, bảo đảm mật độ và đưa năng suất vườn cây đồng đều cho tương lai. Cho nên từ năm 2008 – 2015 diện tích vườn cây khai thác của công ty sẽ giảm dần, sản lượng giảm dần dẫn đến doanh thu giảm, chi phí giá thành tăng, đây là yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Ngành trồng và khai thác mủ cao su cần sử dụng nguồn lao động rất lớn, chi phí tiền lương đang có xu hướng tăng theo chỉ số giá tiêu dùng và sự phát triển của nền kinh tế vẫn là một khó khăn về giá thành cho Công ty. Và rủi ro về tính thời vụ của sản phẩm nông nghiệp do tác động của thời tiết, điều kiện thổ nhưỡng cũng là một vấn đề mà các doanh nghiệp trong ngành không thể không quan tâm đến;

Chi phí khấu hao tăng do đánh giá lại tài sản, trong khi đó doanh thu giảm mạnh do giá bán giảm, dẫn đến lợi nhuận sẽ giảm và thu nhập của người lao động cũng giảm. Từ đó sẽ có ảnh hưởng nhất định đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Diện tích cao su trải rộng trên một địa bàn rộng lớn, ý thức của một bộ phận người dân còn kém và thu nhập nói chung của người dân còn thấp, vì thế việc bảo vệ, tuần tra canh gác và phối hợp với chính quyền, an ninh địa phương để giảm thiểu tình trạng ăn cắp mủ và phá vườn cây cũng là một vấn đề lớn mà Ban Lãnh đạo Công ty phải quan tâm, mất rất nhiều công sức và chi phí cho vấn đề này.

Về mặt năng suất, công ty có diện tích cao su trên vùng đất xám bạc màu nên chi phí đầu tư cao, chu kỳ kinh doanh đang ở đỉnh điểm và công ty đang chủ động tái canh, cải tạo lại vườn cây cao su của mình nên sản lượng khai thác trong tương lai sẽ giảm.

Ngoài ra, công ty cũng không còn những ưu đãi về thuế như những công ty cao su trong tập đoàn đã cổ phần hóa trước năm 2007.

Tuy nhiên, trong năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh Công ty Cao su Phước Hòa đã bị tác động bởi các yếu tố sau:

- Giá cao su thế giới biến động mạnh trong năm 2008: từ tháng 1 đến tháng 8/2008, giá cao su tăng mạnh và đạt đỉnh điểm khoảng 57 triệu/tấn sau đó giảm giá liên tục đến tháng 12/2008, lúc chạm đáy khoảng 17,2 triệu/tấn. Ngoài ra, do sản lượng cao su bán ra tăng dần từ đầu năm đến cuối năm (thấp nhất vào quý I và cao nhất vào quý IV) nên điều này tác động không nhỏ đến kết quả kinh doanh của công ty. Tuy vậy, giá bán cao su trung bình của công ty năm 2008 là 42,6 triệu/tấn vẫn cao hơn giá bán kế hoạch 2008 là 36 triệu/tấn;
- Tiền lương công nhân biến động theo giá bán mủ cao su (chiếm khoảng 40%) nên khi giá bán tăng, tiền lương tăng và khi giá bán giảm, tiền lương giảm. Tuy nhiên, với giá mủ trung bình 2008 khá cao thì chi phí tiền lương năm 2008 của doanh nghiệp cũng tăng so với 2007;

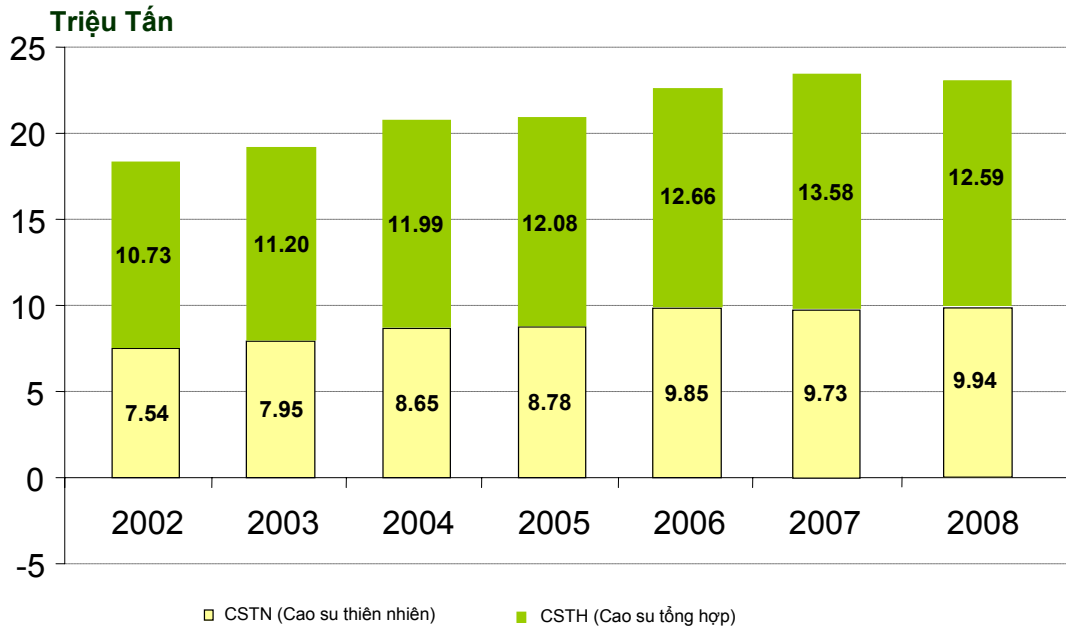
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Ngành cao su

8.1.1 Cao su thế giới

Ngành công nghiệp cao su thế giới được cung cấp từ hai nguồn chủ yếu: cao su tổng hợp và cao su thiên nhiên.

- **Cao su tổng hợp (CSTH):** có nguồn gốc chủ yếu từ dầu mỏ, đây là nguồn tài nguyên có giới hạn, không thể khai thác lâu dài. Mặt khác giá dầu mỏ trên thế giới trong thời gian gần đây biến động thất thường (lúc cao nhất với giá 147 USD/thùng vào tháng 07/2008 và lúc thấp nhất còn khoảng dưới 40USD/thùng vào tháng 03/2009). Chính vì thế chi phí sử dụng cao su tổng hợp có nguồn gốc từ dầu mỏ cũng biến động nên nhiều nhà sản xuất hướng tới việc dùng cao su thiên nhiên hơn.
- **Cao su thiên nhiên (CSTN):** có nguồn gốc chủ yếu từ cây cao su, được trồng nhiều ở khu vực Đông Nam Á và Nam Mỹ. Đây là nguồn cung không thể tăng được trong ngắn hạn, tuy nhiên xét về dài hạn thì đây là nguồn cung ổn định và có mức tăng trưởng cao. Ngoài ra, cao su thiên nhiên còn có những đặc tính đặc biệt mà cao su tổng hợp không thể thay thế được, sử dụng nhiều trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật chất lượng cao. Theo báo cáo của tổ chức nghiên cứu cao su thế giới (IRSG) thì tổng sản lượng cao su toàn thế giới (CSTH và CSTN) trong năm 2008 đạt khoảng hơn 22,5 triệu tấn. Trong đó sản lượng cao su thiên nhiên khoảng 9,9 triệu tấn chủ yếu có nguồn gốc từ các nước như: Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam .v.v.



Năm 2008, tổng sản lượng cao su thiên nhiên của thế giới khoảng 9.940 ngàn tấn, trong đó Thái Lan cao nhất 3.020 ngàn tấn chiếm 30,4%, thứ hai là Indonêxia 2.824 ngàn tấn chiếm 28,4%, thứ ba là Malaysia đạt 1.078 ngàn tấn chiếm 10,8%, thứ tư là Ấn Độ 880 ngàn tấn chiếm 8,8%, thứ năm là Việt Nam đạt 662,9 ngàn tấn chiếm 6,7% so với tổng sản lượng cao su Thế giới, thứ sáu là Trung Quốc đạt 638 ngàn tấn.

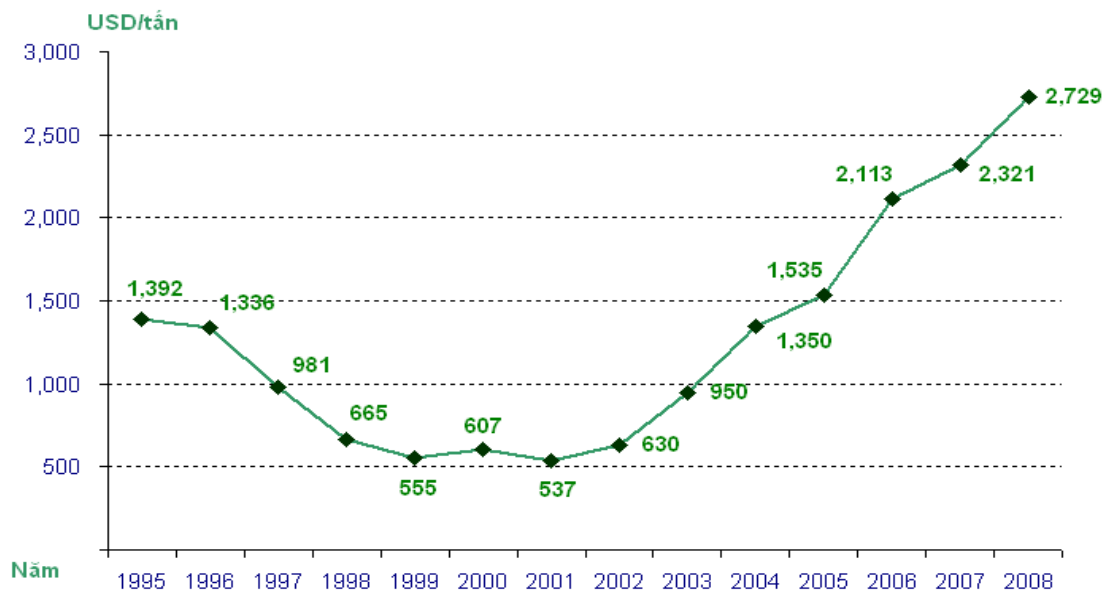
Ngoài ra, Châu Á được dự báo vẫn là khu vực sản xuất cao su thiên nhiên lớn nhất vào năm 2010, chiếm trên 90% tổng lượng cao su thiên nhiên trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng sản xuất cao su thiên nhiên của châu Á giai đoạn 2001 chỉ đạt 1% (so với tốc độ 2,7% thập kỷ trước). Tốc độ tăng trưởng thấp do các nước châu Á (trừ Việt Nam) không mở rộng sản xuất. Thậm chí ở Thái Lan còn giảm do phần lớn cây cao su được trồng vào những năm 80, đến nay phải trồng lại và diện tích cao su trồng mới rất thấp... Tuy nhiên, Thái Lan vẫn là nước sẽ sản xuất cao su lớn nhất thế giới vào năm 2010 với sản lượng dự báo trên 3 triệu tấn. Sản lượng cao su thiên nhiên của Indonesia dự kiến sẽ đạt khoảng 2,8 triệu tấn vào năm 2010. Trong khi sản xuất cao su thiên nhiên của các nước lớn như Trung Quốc, Ấn Độ tăng trưởng với tốc độ thấp thì Việt Nam và Phillipin có tốc độ tăng trưởng sản xuất cao su thiên nhiên lần lượt là 8,4% và 5,9%/năm và dự kiến sản lượng cao su của hai nước này sẽ tăng gấp đôi vào năm 2010.

Châu Phi sẽ tăng sản lượng khoảng 0,5 triệu tấn/năm với tốc độ tăng hàng năm dự kiến khoảng 2,2%/năm thời kỳ 2001-2010 (cao hơn 1,8% thập kỷ trước).

Châu Mỹ Latinh có tốc độ tăng trưởng sản xuất lớn nhất thế giới trong thập kỷ tới với tốc độ dự báo sẽ là 5%/năm (thập kỷ trước tốc độ tăng trưởng sản xuất khoảng 8%). Trong đó,

Brazil là nước sản xuất cao su thiên nhiên lớn nhất khu vực do điều kiện thời tiết, đất đai màu mỡ và chi phí lao động thấp. Tuy nhiên, do sản lượng thấp (Brazil chỉ sản xuất 31.000 tấn giai đoạn 1998-1999) nên Brazil vẫn là nước sản xuất cao su thiên nhiên thấp trên thế giới.

Tuy có sự gia tăng về diện tích vườn cây cao su trong thời gian qua, nhưng cung cao su tự nhiên thế giới trong thời gian gần đây vẫn chỉ ở mức đáp ứng gần đủ nhu cầu cao su tự nhiên thế giới. Các nhà sản xuất hiện nay có khuynh hướng chuyển đổi giữa việc dùng cao su thiên nhiên thay cao su tổng hợp và ngược lại, trong từng thời điểm khi giá của từng loại có sự biến động khác nhau. Thông thường khi giá dầu tăng thì đồng nghĩa với việc giá cao su tổng hợp sẽ tăng, do đó các nhà sản xuất sẽ chuyển sang dùng nhiều cao su thiên nhiên hơn, chính vì vậy giá cao su thiên nhiên cũng tăng theo, và ngược lại. Trong thời gian qua, giá dầu thế giới đã tăng cao, từ mức trung bình 80USD/thùng đã tăng lên 147 USD/thùng vào tháng 07/2008 và giảm mạnh dưới 40 USD/thùng vào tháng 03/2009. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến giá cao su tự nhiên thế giới những tháng gần đây. Vì thế, giá cao su tự nhiên trong thời gian qua đã có sự biến động đáng kể.



(Nguồn: IRSG)

Nói chung, ngành cao su tự nhiên thế giới trong nhiều năm qua đã có được nhiều yếu tố thuận lợi, hỗ trợ phát triển như:

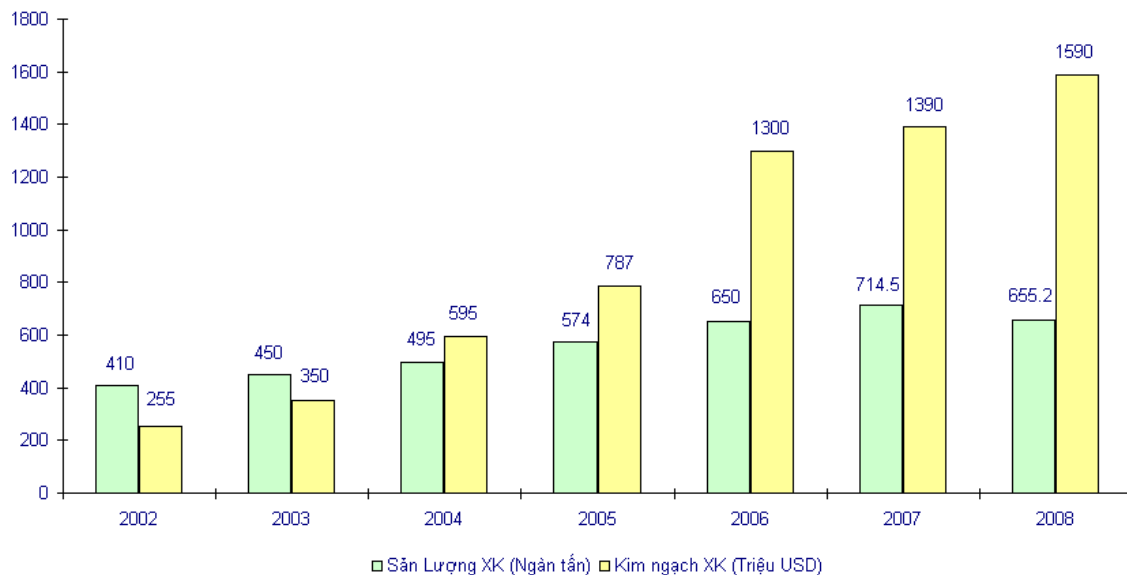
- Sản lượng sản xuất cao su tự nhiên vừa sát với nhu cầu tiêu thụ của thế giới, có mức tăng trưởng khoảng 4%/năm, nên dự trữ cao su tự nhiên hàng năm của thế giới là không nhiều.

- Kinh tế thế giới khởi sắc, đặc biệt là sự tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc và Ấn Độ đã làm gia tăng nhu cầu cao su tự nhiên trong ngành công nghiệp chế biến sản phẩm sau cao su khác như: găng tay, sản phẩm cao su y tế và các sản phẩm khác...

Tuy nhiên, cuối năm 2008 nền kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp và đang rơi vào một cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính với quy mô toàn thế giới. Hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều Tập đoàn lớn trên thế giới gặp rất nhiều khó khăn. Nhu cầu cao su thiên nhiên của thế giới sụt giảm, dẫn đến giá cao su giảm mạnh. Bên cạnh đó giá dầu thô sụt giảm cũng là nguyên nhân dẫn đến giá cao su thiên nhiên giảm.

8.1.2 Cao su Việt Nam

Năm 2008, diện tích cây cao su của Việt Nam đạt 618.600 ha và sản lượng đạt trung bình 662.900 tấn/năm, trong đó trên 80% sản lượng dùng để xuất khẩu, lượng cao su xuất khẩu của Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam chiếm hơn 70%. Nhưng cho đến nay, Việt Nam mới chỉ có 399.000 ha diện tích cao su được đưa vào khai thác, do đó tiềm năng phát triển còn rất lớn.



(Nguồn: Hiệp hội công nghiệp cao su Việt Nam)

Việt Nam là một trong những quốc gia có sản lượng khai thác cao su thiên nhiên nhiều trên thế giới, nên diễn biến tích cực của ngành cao su thiên nhiên thế giới thời gian qua đã tác động đến tăng trưởng ngành Cao su Việt Nam. Tuy nhiên, khoảng cách về sản lượng khai thác hàng năm của Việt Nam so với các nước khác trong Hiệp hội các nước sản xuất Cao su Thiên nhiên (ANRPC) vẫn còn khá cao, như Thái Lan (gần 3.02 triệu tấn), Indonesia (2,8 triệu tấn) và Malaysia (1.07 triệu tấn)... là rất lớn nên Việt Nam hầu như không chủ động được về giá cũng như cung cầu sản lượng mà hoàn toàn phụ thuộc vào biến động của thị

trường thế giới (chỉ riêng sản lượng của 3 nước Thái Lan, Indonexia, Malaysia đã chiếm 70% tổng sản lượng thế giới).

Từ năm 2002 đến nay, sản lượng và kim ngạch xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam gia tăng đáng kể. Đặc biệt là giai đoạn 2006, 2007, tuy sản lượng xuất khẩu tăng không đáng kể nhưng kim ngạch xuất khẩu có bước phát triển với mức tăng hàng năm khá cao do giá cao su tăng trong thời gian qua.

Thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam bao gồm: Trung Quốc, Hàn Quốc, Đức, Malaysia, và Đài Loan,

Tính đến hết năm 2008, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 619,29 ngàn tấn quy khô, trị giá 1.597 triệu USD, giảm 9,8% về lượng nhưng lại tăng 14,7% về trị giá so với năm 2007.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của nước ta, chiếm 69,1% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước, đạt trên 428 ngàn tấn, kế đến là Hàn Quốc chiếm 3,7%, Đức chiếm 3,3%,...Chủng loại chính để xuất khẩu là: cao su khối (69,7%), Latex (8,7%) và cao su tờ RSS (5,3%).

Tính chung năm 2008, giá xuất cao su xuất khẩu trung bình đạt 2.432 USD/tấn, tăng 24,8% so với giá xuất khẩu trung bình năm 2007, là mức giá cao nhất từ trước đến nay.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Kim ngạch xuất khẩu cao su Việt Nam trong giai đoạn 2002 - 2008 tăng trưởng rất cao bình quân gần 50%, nhưng chủ yếu do giá xuất khẩu tăng đột biến còn về sản lượng xuất khẩu thì tăng không đáng kể (như năm 2008 sản lượng giảm khoảng 8,3%). Thị trường xuất khẩu tập trung vào Trung Quốc chiếm 60%, đây có thể là rủi ro về thị trường mà các nhà xuất khẩu Việt Nam cần phải thận trọng. Vì Trung Quốc là một thị trường có nhiều biến động, diễn biến giá cả thất thường chỉ cần một tác động nhỏ về cơ chế, chính sách của phía Trung Quốc, ngay lập tức giá cao su cũng biến động theo. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam cần phải quan tâm, chú ý hơn đến các chính sách quản lý về thuế, các điều kiện rào cản kỹ thuật mà phía Trung Quốc có thể đưa ra trong hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu cao su nói riêng để có những biện pháp điều chỉnh hoạt động một cách kịp thời, hiệu quả.

Trước nhu cầu thế giới còn tăng và lợi ích nhiều mặt của cây cao su, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra mục tiêu phát triển diện tích vườn cây cao su cả nước đạt 850 ngàn ha vào năm 2015 và 1 triệu ha vào năm 2020.

Hiện nay, Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đang tích cực mở rộng diện tích cao su, phấn đấu đến năm 2010 đạt 380.000 ha và sản lượng đạt 400.000 tấn/năm. Đặc biệt, tập đoàn sẽ đầu tư phát triển hơn 100.000 ha cao su ở Lào và 100.000 ha cao su ở Campuchia nhằm giữ vững thị trường và vị trí của Việt Nam.

Với chiến lược phát triển hợp lý, đầu tư thỏa đáng, tăng cường năng lực quản lý, đa dạng chủng loại và nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ nhằm xây dựng uy tín, hình ảnh cao su Việt Nam trên trường quốc tế. Chất lượng sản phẩm cao su Việt Nam ngày càng nâng cao so với sản phẩm của các nước trong khu vực, thị trường tiêu thụ sản phẩm mở rộng sang Châu Âu, Hoa Kỳ và các nước khác thay vì chỉ phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc như trước.

Bên cạnh đó, khi gia nhập WTO, các rào cản về thuế và thương mại với hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ dần được dỡ bỏ sẽ là động lực và lợi thế cho hàng hoá Việt Nam thâm nhập thị trường thế giới.

8.3 Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành

Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa là một trong những công ty có diện tích cao su lớn của ngành, nằm trong top 5 đơn vị quản lý diện tích và sản lượng cao su lớn nhất ngành. Năng suất và chất lượng sản phẩm của công ty luôn đạt thứ hạng cao trong ngành cao su. Trình độ tay nghề của công nhân kỹ thuật luôn đạt thứ hạng cao trong các Hội thi tay nghề do ngành cao su tổ chức. Từ đó tạo nên ý thức tích cực trong quá trình nâng cao tay nghề cho công nhân.

Hiện tại nền công nghiệp có sử dụng sản phẩm cao su đang trong giai đoạn phát triển nên nhu cầu cao su để phục vụ phát triển là rất lớn. Khả năng đáp ứng cho nhu cầu trong nước và quốc tế của ngành cao su còn rất hạn chế từ đó, đôi khi tạo ra sự khan hiếm cho thị trường. Trong những năm vừa qua, giá bán sản phẩm cao su của công ty luôn trong top 5 đơn vị có giá bán cao nhất ngành, năm 2008 giá bán của công ty cao thứ 2 toàn ngành. Bên cạnh đó, với đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm và tâm huyết với ngành cao su, đó là nền tảng vững chắc giúp công ty ngày càng phát triển.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng lao động và Cơ cấu lao động

Tại thời điểm 31/03/2009, công ty có 5.756 nhân viên (nam: 3.012 người, nữ: 2.744 người) với cơ cấu lao động như sau:

Đơn vị tính: người

Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trình độ học vấn		
1. Trên đại học	5	0,09%
2. Đại học	152	2,64%

3. Cao đẳng, Trung cấp	194	3,37%
4. Lao động phổ thông	5.405	93,90%
Theo phân công lao động		
1. Hội đồng quản trị/ Ban Tổng Giám đốc	5	0,09%
2. Lao động điều hành cấp cao	48	0,83%
3. Lao động điều hành cấp trung	335	5,82%
4. Lao động trực tiếp	5.368	93,26%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà)

9.2 Các chính sách đối với người lao động

9.2.1 Chế độ làm việc

Công ty luôn quan tâm, chăm sóc đầy đủ quyền lợi của người lao động xem đó là một trong ba mục tiêu của công ty (công ty phát triển, hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước, chăm lo cho người lao động). Trên cơ sở đó, công ty thực hiện tốt chế độ tiền lương, tiền thưởng cho công nhân.

Thực hiện ngày giờ công định mức theo quy định của luật lao động.

Trả lương cho cán bộ công nhân viên theo năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động.

Thực hiện tốt các chính sách bảo hộ lao động, chế độ ăn giữa ca và bồi dưỡng bằng hiện vật, vệ sinh lao động, môi trường làm việc, phòng hộ cá nhân, kỷ luật an toàn lao động.

Chăm sóc sức khỏe cho người lao động, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 1-2 lần/năm.

9.2.2 Thu nhập của cán bộ công nhân viên

Hiện tại lực lượng lao động trực tiếp đang hưởng lương theo sản phẩm, điều này tạo động lực cho công nhân tăng năng suất lao động.

Thu nhập bình quân của CBCNV công ty trong những năm gần đây luôn ở mức cao so với mặt bằng chung của địa phương. Thu nhập bình quân là 6.139.818 đ/người/tháng. Thu nhập bình quân năm 2008 đạt 7.477.120 đ/người/tháng.

9.2.3 Chính sách đào tạo

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ đào tạo bồi dưỡng và khuyến khích người lao động nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao tay nghề kỹ thuật,....

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của Pháp Luật.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào giữa năm nếu Hội đồng Quản trị cho rằng khả năng lợi nhuận của Công ty có thể đáp ứng.

Công ty theo đuổi chính sách cổ tức đảm bảo cho cổ đông sẽ nhận được phần lợi nhuận của công ty ở mức độ hợp lý và đảm bảo phần lợi nhuận giữ lại cần thiết cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong tương lai.

Năm 2008, Đại hội cổ đông đã quyết định chi trả tỷ lệ cổ tức là 22% bằng tiền mặt, đến thời điểm hiện tại công ty đã thực hiện chi trả toàn bộ cổ tức cho các cổ đông.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

- *Trích khấu hao vườn cây cao su*

Khấu hao tài sản cố định là vườn cây cao su được thực hiện theo công văn số 42/TCDN-NV3 ngày 02.02.2005 của Cục tài chính doanh nghiệp – Bộ tài chính về việc điều chỉnh khấu hao vườn cây cao su và quyết định 165/QĐ-TCKT ngày 21.02.2005 của Tổng công ty cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam) về việc ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm, cụ thể như sau:

STT	Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)	STT	Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
01	Năm thứ 1	2,00	11	Năm thứ 11	7,00
02	Năm thứ 2	2,75	12	Năm thứ 12	6,75
03	Năm thứ 3	3,50	13	Năm thứ 13	6,25

04	Năm thứ 4	4,00	14	Năm thứ 14	5,50
05	Năm thứ 5	4,50	15	Năm thứ 15	5,25
06	Năm thứ 6	4,25	16	Năm thứ 16	5,25
07	Năm thứ 7	4,75	17	Năm thứ 17	5,00
08	Năm thứ 8	5,00	18	Năm thứ 18	5,75
09	Năm thứ 9	5,25	19	Năm thứ 19	5,75
10	Năm thứ 10	5,25	20	Năm thứ 20	GTCL của vườn cây năm cuối

Nguyên giá vườn cây cao su sau khi đánh giá lại gồm: Nguyên giá đã được đánh giá lại cộng với hiện giá thanh lý vườn cây cao su (giá trị vườn cây ước thu hồi khi thanh lý trong tương lai). Trong đó, giá trị hao mòn vườn cây cao su không tính khấu hao trên phần hiện giá thanh lý vườn cây. Giá trị hiện giá thanh lý vườn cây sẽ được kết chuyển đồng thời cùng giá trị còn lại của vườn cây chưa khấu hao hết vào chi phí khi vườn cây cao su được thanh lý.

- *Trích khấu hao tài sản cố định*

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định của Công ty hiện đang áp dụng theo phương pháp đường thẳng được theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải	08 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	05 - 08 năm

- *Ưu đãi về thuế*

Hiện tại công ty không được ưu đãi về chính sách thuế. Công ty đang áp dụng các chính sách về thuế hiện hành, với các mức thuế suất của các loại thuế theo tỷ lệ quy định.

Một số loại thuế công ty đang thực hiện:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế giá trị gia tăng
- Tiền thuê đất
- Thuế nhập khẩu.

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn

- Tổng dư nợ vay

Công ty không có nợ quá hạn.

- Các khoản phải nộp theo Luật định

Theo Điều lệ Công ty, hàng năm, Công ty Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế theo luật thuế quy định và cũng được các cục thuế địa phương hoàn thuế kịp thời

- Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Điều lệ Công ty, hàng năm, Công ty sẽ phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Các quỹ dự phòng tài chính, khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

- Thu nhập bình quân

Công ty duy trì chính sách lương cạnh tranh so với các công ty cùng ngành

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008
Thu nhập bình quân (VND/người/tháng)	4.346.917	5.498.761	6.139.818	7.477.120

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

- Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của công ty trong năm 2006, 2007 và năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

	31/12/2006	31/12/2007	02/03/2008	31/12/2008
Phải thu khách hàng	20.014.916.627	37.956.676.471	40.601.870.580	49.405.374.749
Trả trước cho người bán	1.334.420.812	7.969.559.930	9.517.322.203	56.885.537.088
Phải thu nội bộ ngắn hạn	16.960.309	100.314.476	109.449.476	-
Các khoản phải thu khác	21.582.591.389	10.892.637.047	890.894.670.761	37.371.342.221
Tổng cộng	42.948.889.137	56.919.187.924	941.123.313.020	143.662.254.058



(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006, 2007 và năm 2008
của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà)

Lưu ý: Do Công ty cổ phần cao su Phước Hòa được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh chính thức là công ty Cổ phần vào ngày 03/03/2008 nên trong năm 2008, Công ty cổ phần cao su Phước Hòa đã tiến hành lập BCTC 02 giai đoạn: từ ngày 01/01/2008 đến ngày 02/03/2008 (trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần) và từ ngày 03/03/2008 đến ngày 31/12/2008.

Đối với khách hàng công ty đang áp dụng chính sách thanh toán hạn chế thấp nhất số ngày công nợ. Sau khi khách hàng ký hợp đồng, khách hàng phải nộp tiền vào tài khoản của công ty trước khi được nhận hàng, do đó các khoản nợ phải thu tồn đọng của công ty hầu như không có, đối với các khách hàng nước ngoài, hình thức thanh toán chủ yếu là tín dụng chứng từ (L/C) nên việc thu hồi nợ rất kịp thời và đầy đủ. Bên cạnh đó công ty luôn giữ gìn mối quan hệ tốt đẹp đối với khách hàng.

Đối với người lao động, chủ yếu là các khoản phải thu tạm ứng lương ngắn hạn. Ngoài ra, đối với các đơn vị trực thuộc ứng trước tiền mua vật tư, công cụ dụng cụ, các khoản này có thời gian hoàn ứng nhanh.

- Các khoản phải trả

Các khoản phải trả của công ty trong năm 2006, 2007 và năm 2008

Đơn vị tính: VND

	31/12/2006	31/12/2007	02/03/2008	31/12/2008
Nợ ngắn hạn				
Vay và nợ ngắn hạn	147.000.000.000	8.087.759.988	109.022.811.488	
Phải trả người bán	7.231.343.647	9.099.040.629	1.351.692.814	9.062.391.977
Người mua trả tiền trước	1.947.911.690	42.364.104.828	52.093.559.117	82.772.813.569
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.110.504.612	75.665.303.482	54.255.526.754	56.126.528.938
Phải trả người lao động	131.711.978.498	143.187.020.448	72.414.007.908	163.686.709.951
Chi phí phải trả	2.689.349.547	1.575.597.932	2.185.460.483	1.695.740.469
Phải trả nội bộ	131.416.640.448	102.073.096.122	16.403.520.925	335.687.646.375
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16.332.523.693	40.525.838.789	1.336.792.890.084	295.547.354.110
Nợ dài hạn				
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.136.881.333	4.982.889.025	4.101.348.816	0
Tổng cộng	447.557.133.468	427.560.651.243	1.648.620.818.389	944.579.185.389

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005, 2006, 2007 và năm 2008)



của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

Lưu ý: Do Công ty cổ phần cao su Phước Hòa được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh chính thức là công ty Cổ phần vào ngày 03/03/2008 nên trong năm 2008, Công ty cổ phần cao su Phước Hòa đã tiến hành lập BCTC 02 giai đoạn: từ ngày 01/01/2008 đến ngày 02/03/2008 (trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần) và từ ngày 03/03/2008 đến ngày 31/12/2008.

Đối với nhà cung cấp, công ty luôn thanh toán kịp thời và đầy đủ, không có nợ tồn đọng kéo dài. Các khoản nộp ngân sách nhà nước luôn kịp thời và đầy đủ. Đối với người lao động, tiền lương, thưởng và các chế độ khác được chi trả kịp thời và đầy đủ. Trong năm 2008, các khoản phải trả cao là do phải trả về cổ phần hóa đối với nhà nước chưa được quyết toán.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2005	2006	2007	2008
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,40	1,11	1,27	0,82
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,11	0,85	0,97	0,62
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	Lần	0,23	0,48	0,28	0,52
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,30	1,19	0,39	1,07
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	8,13	7,02	5,81	6,74
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,85	1,06	0,71	0,69
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi					
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	25,86	28,41	26,75	26,74
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	28,31	57,61	26,19	38,55
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	21,89	30,21	18,96	18,58
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	35,92	39,39	37,09	36,77
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	%	39,32	79,87	36,31	53,00

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005, 2006, 2007 và năm 2008)



của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà)

Lưu ý: Do Công ty cổ phần cao su Phước Hòa được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh chính thức là công ty Cổ phần vào ngày 03/03/2008 nên trong năm 2008, Công ty cổ phần cao su Phước Hòa đã tiến hành lập BCTC 02 giai đoạn: từ ngày 01/01/2008 đến ngày 02/03/2008 (trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần) và từ ngày 03/03/2008 đến ngày 31/12/2008. Vì vậy, kết quả 31/12/2008 của Lợi nhuận sau thuế, Doanh thu thuần, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2008 bao gồm tổng số liệu kết quả của 2 giai đoạn.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng quản trị

Ông: NGUYỄN VĂN TÂN			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Tây Ninh
Ngày tháng năm sinh	22.01.1958	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Dương	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	280016743	Nơi cấp	CA Bình Dương
Địa chỉ thường trú	Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		
Điện thoại cơ quan	0650.3657.213	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Sư phạm Toán – Cử nhân Kinh tế		
<p>Quá trình công tác</p> <p>+ 04/1975 – 05/1975: Học viên trường Sư phạm cấp 1, tỉnh Thủ Dầu Một</p> <p>+ 06/1975 – 10/1975: Giáo viên cấp 1 khu vực 3 Dầu Tiếng</p> <p>+ 10/1975 – 12/1976: Giáo viên cấp 1 Định Thành, Dầu Tiếng</p> <p>+ 01/1977 – 08/1977: Hiệu phó trường cấp 1 Định Thành, Dầu Tiếng</p> <p>+ 09/1977 – 10/1980: Cán bộ Phòng TCCB Sở Giáo dục Sông Bé</p> <p>+ 10/1980 – 10/1984: Học viện trường Cán bộ quản lý và nghiệp vụ - Bộ Giáo dục</p> <p>+ 08/1984 – 10/1987: Phó Trưởng phòng TCCB Sở Giáo dục Sông Bé</p> <p>+ 10/1987 – 08/1990: Trưởng phòng TCCB Sở Giáo dục Sông Bé</p> <p>+ 08/1990 – 11/1990: Phó Chánh văn phòng Công ty cao su Phước Hòa</p> <p>+ 11/1990 – 06/1997: Trưởng phòng TCLĐTL Công ty Cao su Phước Hoà</p> <p>+ 06/1997 – 03/2005: Phó Giám đốc Công ty Cao su Phước Hoà</p> <p>+ 03/2005 – 03/2008: Giám đốc Công ty Cao su Phước Hoà</p>			



+ 03/2008 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà	
Chức vụ công tác hiện nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	44.718.200 cổ phần (tỷ lệ 55,004% VĐL)
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	3.200 cổ phần (tỷ lệ 0,004% VĐL)
+ Đại diện phần vốn Nhà nước	44.715.000 cổ phần (tỷ lệ 55,00% VĐL)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	
+ Vợ:	Lê Thị Hoa nắm giữ 37.000 Cổ phần
+ Chị:	Nguyễn Thị Nguyệt nắm giữ 10.000 Cổ phần
+ Chị:	Nguyễn Thị Kim nắm giữ 20.000 Cổ phần
+ Anh:	Nguyễn Văn Tiến nắm giữ 5.000 Cổ phần
+ Em:	Nguyễn Thị Thu nắm giữ 5.000 Cổ phần

Ông: PHẠM VĂN THÀNH			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Bình Định
Ngày tháng năm sinh	20.11.1962	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Dương	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	023138281	Nơi cấp	CA TP.HCM
Địa chỉ thường trú	429/16 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM		
Điện thoại cơ quan	08.38580300	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế		



Quá trình công tác	
+ 1985 – 1998:	Công ty Xây dựng & Tư vấn Đầu tư
+ 1998 đến nay:	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
+ 03/2008 đến nay:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng ban Kế hoạch & Đầu tư Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm Soát một số công ty có vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ	9.448.406 cổ phần (tỷ lệ 11,626% VĐL)
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	5.000 cổ phần (tỷ lệ 0,006% VĐL)
+ Đại diện phần vốn Nhà nước	9.443.406 cổ phần (tỷ lệ 11,62% VĐL)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	
+ Vợ:	Võ Thị Hoàng Hồng nắm giữ 20.000 Cổ phần

Ông: LÊ PHI HÙNG			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Bình Dương
Ngày tháng năm sinh	02.01.1960	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Dương	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	280047436	Nơi cấp	CA Bình Dương
Địa chỉ thường trú	Xã Tân Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương		
Điện thoại cơ quan	0650.3657.481	Trình độ văn hóa	12/12



Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Nông nghiệp
<p>Quá trình công tác</p> <p>+ 11/1983 – 11/1984: Cán bộ Phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Phước Hoà</p> <p>+ 12/1984 – 03/1985: Phó Phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Phước Hoà</p> <p>+ 03/1985 – 12/1985: Chuyên gia Kỹ thuật Cao su tại Campuchia</p> <p>+ 12/1985 – 06/1986: Phó Phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Phước Hoà</p> <p>+ 06/1986 – 12/1987: Giám đốc Nông trường Vĩnh Bình</p> <p>+ 12/1987 – 11/1988: Quyền Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Phước Hoà</p> <p>+ 11/1988 – 05/1993: Giám đốc Nông trường Nhà Nai</p> <p>+ 05/1993 – 04/2001: Giám đốc Nông trường Tân Hưng</p> <p>+ 04/2001 – 03/2008: Phó Giám đốc Công ty Cao su Phước Hoà</p> <p>+ 03/2008 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà</p>	
Chức vụ công tác hiện nay	<p>Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà</p> <p>Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà</p>
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	2.400 cổ phần (tỷ lệ 0,003% VĐL)
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	2.400 cổ phần (tỷ lệ 0,003% VĐL)
+ Đại diện phần vốn Nhà nước	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	
+ Vợ:	Nguyễn Thị Thủy nắm giữ 17.600 Cổ phần

Ông: **TRƯƠNG VĂN QUANH**



Giới tính	Nam	Nơi sinh	Bình Dương
Ngày tháng năm sinh	07.05.1959	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Dương	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	280292921	Nơi cấp	CA Bình Dương
Địa chỉ thường trú	Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		
Điện thoại cơ quan	0650.3657.105	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế		
<p>Quá trình công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> + 04/1975 – 06/1976: Trưởng ban Thông tin áp, Phó Bí thư Chi đoàn + 06/1976 – 05/1978: Thường trực xã đoàn, Thư ký Văn phòng chi bộ xã + 06/1978 – 05/1982: Nhân viên phòng TCLĐTL, Phó Bí thư Đoàn thanh niên Công ty Cao su Phước Hoà + 06/1982 – 10/1988: Cán bộ Tổng hợp Văn phòng Công ty, Ủy viên BTV Đảng ủy Công ty, Bí thư Đoàn thanh niên Công ty Cao su Phước Hoà + 10/1988 – 12/1997: Ủy viên BTV Đảng ủy Công ty, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cao su Phước Hoà + 01/1998 – 10/2000: Ủy viên BTV Đảng ủy Công ty, Trưởng ban Tổ chức, Trưởng ban Tuyên giáo Đảng ủy Công ty Cao su Phước Hoà + 11/2000 – 03/2004: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Công ty Cao su Phước Hoà + 04/2004 – 02/2008: Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty Cao su Phước Hoà + 03/2008 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty		Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà	
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần KCN Nam Tân Uyên Thành viên HĐQT Công ty TNHH Kinh doanh Cơ sở Hạ tầng Cao su Việt Nam	



Số cổ phần nắm giữ	2.900 cổ phần (tỷ lệ 0,0036% VĐL)
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	2.900 cổ phần (tỷ lệ 0,0036% VĐL)
+ Đại diện phần vốn Nhà nước	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	
+ Con:	Trương Thế Hùng nắm giữ 4.000 Cổ phần
+ Em:	Trương Thị Thu Hương nắm giữ 1.300 Cổ phần

Ông: NGUYỄN ĐỨC THẮNG			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Hà Tây
Ngày tháng năm sinh	18.12.1979	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Nội	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	2850000674	Nơi cấp	CA Bình Phước
Địa chỉ thường trú	73 Đường 23, Tân Quy, Quận 7, TP.HCM		
Điện thoại cơ quan	08.3910 6411	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế		
Quá trình công tác			
+ 10/2001 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (TSC)			
+ 01/2006 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần thực phẩm Cholimex			
+ 06/2007 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần An Phú Bình Dương			
+ 03/2008 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà			
+ 03/2008 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phú Tài			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Giám đốc Đầu tư, Phó Giám đốc Chi nhánh TP.HCM Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long		



	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần thực phẩm Cholimex Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần An Phú Bình Dương Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phú Tài
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VDL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VDL)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không có

12.2 Ban Giám Đốc

Ông: NGUYỄN VĂN NGỌC			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Bình Dương
Ngày tháng năm sinh	12.01.1956	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Dương	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	280272906	Nơi cấp	CA Bình Dương
Địa chỉ thường trú	113/29/92 Tổ 3, Khu phố 6, Phường Phú Hoà, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương		
Điện thoại cơ quan	0650.3691.346	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Sư phạm TP.HCM		
Quá trình công tác			
+ 10/1975 – 08/1977: Giáo viên cấp 2, Chơn Thành, Bình Long			
+ 09/1977 – 09/1979: Phó hiệu trưởng trường cấp 1 Minh Long, Bình Dương			
+ 09/1979 – 07/1980: Phó hiệu trưởng trường cấp 1 – 2 Minh Thạnh, Bình Dương			
+ 08/1980 – 06/1990: Cán bộ Phòng TCCB Sở Giáo dục Sông Bé			



+ 07/1990 – 06/1991: Phó Trưởng phòng TCCB Sở Giáo dục Sông Bé	
+ 07/1991 – 02/1994: Cán bộ phòng TCLĐTL Công ty Cao su Phước Hoà	
+ 03/1994 – 05/1997: Phó Trưởng phòng TCLĐTL Công ty Cao su Phước Hoà	
+ 06/1997 – 05/2007: Trưởng phòng TCLĐTL Công ty Cao su Phước Hoà	
+ 05/2007 – 03/2008: Phó Giám đốc Công ty Cao su Phước Hoà	
+ 03/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà	
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	5.700 cổ phần (tỷ lệ 0,007% VĐL)
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	5.700 cổ phần (tỷ lệ 0,007% VĐL)
+ Đại diện phần vốn Nhà nước	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	
+ Con:	Nguyễn Bích Hồng nắm giữ 2.500 Cổ phần

Ông: ĐẶNG ĐÔN CỤ			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Hà Tĩnh
Ngày tháng năm sinh	10.08.1957	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Tĩnh	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	280045746	Nơi cấp	CA Bình Dương
Địa chỉ thường trú	Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		
Điện thoại cơ quan	0650.3691.038	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Kinh Tế - Đại học Luật		
Quá trình công tác			



- + 03/1975 – 05/1975: Bộ đội đoàn 22, quân khu 4
- + 06/1975 – 06/1981: Bộ đội Hạm đội 171 Hải quan
- + 06/1981 – 08/1982: Đai khí tượng thủy văn Sông Bé
- + 08/1982 – 12/1987: Phòng thi đua khen thưởng Công ty Cao su Phước Hoà
- + 12/1987 – 02/2004: Giám đốc nông trường Vĩnh Bình
- + 02/2004 đến nay: Giám đốc nông trường Tân Hưng
- + 05/2007 – 03/2008: Phó Giám đốc Công ty Cao su Phước Hoà kiêm Giám đốc Nông trường Cao su Tân Hưng
- + 03/2008 đến 02/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà kiêm Giám đốc Nông trường Cao su Tân Hưng
- + Từ 02/2009 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà, được HĐQT công ty phân công thành lập và kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Phước Hòa – Kampong Thom tại Kampuchia (Công ty con của PHR tại Kampuchia)
---------------------------------------	---

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
---	----------

Số cổ phần nắm giữ	3.200 cổ phần (tỷ lệ 0,004% VĐL)
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	3.200 cổ phần (tỷ lệ 0,004% VĐL)
+ Đại diện phần vốn Nhà nước	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
---------------------------	-------

Các khoản nợ đối với công ty	Không
------------------------------	-------

Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
-----------------------------------	-------

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan		
+ Con:	Đặng Ngọc Hải	nắm giữ 400 Cổ phần
+ Em:	Đặng Đôn Kiều	nắm giữ 4.500 Cổ phần
+ Em:	Đặng Đôn Vân	nắm giữ 1.400 Cổ phần
+ Em:	Đặng Thị Bưởi	nắm giữ 900 Cổ phần
+ Em:	Đặng Đôn Sang	nắm giữ 2.300 Cổ phần



+ Em:	Đặng Thị Huệ	năm giữ 1.000	Cổ phần
-------	--------------	---------------	---------

12.3 Ban Kiểm Soát

Ông: HỒ MỘNG VÂN			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	TP.HCM
Ngày tháng năm sinh	08.04.1961	Dân tộc	Hoa
Quê quán	TP.HCM	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	021949081	Nơi cấp	CA TP.HCM
Địa chỉ thường trú	141, Lầu 2, Trần Tuấn Khải, Quận 5, TP.HCM		
Điện thoại cơ quan	08.39325234	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế		
Quá trình công tác + 1980 – 1986: Nhân viên kế toán thống kê, KT thanh toán xưởng chế biến mủ cao su Vĩnh Hội trực thuộc Tổng cục cao su Việt Nam + 1987 – 1990: Kế toán tổng hợp công ty công nghiệp cao su trực thuộc Tổng công ty cao su Việt Nam + 1991 – 1993: Phó phòng TCKT công ty công nghiệp cao su + 07/1993 – 09/1996: Kế toán trưởng Công ty công nghiệp cao su + 12/1996 đến nay : Chuyên viên Ban TCKT - Tập đoàn CNCS Việt Nam + 03/2008 đến nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty		Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà Chuyên viên Ban TCKT - Tập đoàn CNCS Việt Nam	
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Không có	
Số cổ phần nắm giữ		0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)	
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân		0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)	
+ Đại diện phần vốn Nhà nước		0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)	
Hành vi vi phạm pháp luật		Không	



Các khoản nợ đối với công ty		Không	
Lợi ích liên quan đối với công ty		Không	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan		Không có	
Ông: NGUYỄN VĂN TỰỢC			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Bình Phước
Ngày tháng năm sinh	31.07.1964	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Dương	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	280348264	Nơi cấp	CA Bình Dương
Địa chỉ thường trú	Xã Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương		
Điện thoại cơ quan	0650.3682.026	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính kế toán		
Quá trình công tác			
+ 1982 – 2003: Trợ lý kế toán Nông trường Cao su Nhà Nai			
+ 2003 – 2005: Phó Giám đốc Nông trường Cao su Nhà Nai			
+ 2005 – 03/2008: Giám đốc Nông trường Cao su Nhà Nai			
+ 03/2008 đến nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà Giám đốc Nông trường Cao su Nhà Nai			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty		Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà Giám đốc Nông trường Cao su Nhà Nai	
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Không có	
Số cổ phần nắm giữ		2.400 cổ phần (tỷ lệ 0,003% VĐL)	
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân		2.400 cổ phần (tỷ lệ 0,003% VĐL)	
+ Đại diện phần vốn Nhà nước		0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)	
Hành vi vi phạm pháp luật		Không	
Các khoản nợ đối với công ty		Không	
Lợi ích liên quan đối với công ty		Không	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan			



+ Em: Nguyễn Văn Xinh năm giữ 2.200 Cổ phần

Ông: VŨ QUỐC ANH			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Gia Định
Ngày tháng năm sinh	08.01.1969	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Dương	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	022228837	Nơi cấp	CA TP.HCM
Địa chỉ thường trú	8/8/5 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM		
Điện thoại cơ quan	08.9303922	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế		
Quá trình công tác + 1990 đến nay: Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam + 03/2008 đến nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty		Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Không có	
Số cổ phần nắm giữ		0 cổ phần	
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân		0 cổ phần (tỷ lệ 0 % VDL)	
Hành vi vi phạm pháp luật		Không	
Các khoản nợ đối với công ty		Không	
Lợi ích liên quan đối với công ty		Không	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan		Không có	

12.4 Kế Toán Trường

Ông: **DƯƠNG VĂN KHEN**



Giới tính	Nam	Nơi sinh	TP.HCM
Ngày tháng năm sinh	28.08.1960	Dân tộc	Kinh
Quê quán	TP.HCM	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	280380418	Nơi cấp	CA Bình Dương
Địa chỉ thường trú	Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		
Điện thoại cơ quan	0650.3657.828	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính - Kinh tế		
Quá trình công tác			
+ 1981 – 1984: Cán bộ Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cao su Phước Hoà			
+ 1985 – 1989: Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cao su Phước Hoà			
+ 1989 đến 03/2008: Kế toán trưởng Công ty Cao su Phước Hoà			
+ 03/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có		
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		
+ Đại diện phần vốn Nhà nước	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan			
+ Vợ:	Hồ Kim Chi	nắm giữ 3.000 Cổ phần	

13. Tài sản

13.1 Một số tài sản chính của công ty tại thời điểm 31/12/2007, 31/12/2008 và 30/06/2009

Đơn vị tính: Triệu đồng



S T T	Tài sản	Nguyên giá			Khấu hao			Giá trị còn lại		
		31.12.07	31.12.08	30.06.09	31.12.07	31.12.08	30.06.09	31.12.07	31.12.08	30.06.09
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc	109.958	121.687	123.145	52.380	61.894	65.687	57.578	59.793	57.458
2	Máy móc thiết bị	55.592	56.173	56.173	33.491	38.239	40.503	22.100	17.934	15.670
3	Phương tiện vận tải	36.743	42.693	42.693	14.679	19.256	21.388	22.063	23.437	21.305
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	941	1.038	1.064	584	739	809	357	299	255
5	Vườn cây lâu năm	1.021.613	996.334	936.806	455.850	475.061	460.160	565.763	521.273	476.645
Tổng cộng		1.224.849	1.217.925	1.159.881	556.986	595.189	588.548	667.862	659.639	571.333

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà)

Lưu ý: Do công ty cổ phần Cao su Phước Hoà được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh chính thức là công ty Cổ phần vào ngày 03/03/2008 nên trong năm 2008, Công ty cổ phần Cao su Phước Hoà đã tiến hành lập BCTC 02 giai đoạn: từ ngày 01/01/2008 đến ngày 02/03/2008 (trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần) và từ ngày 03/03/2008 đến ngày 31/12/2008.

13.2 Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng của Công ty tại thời điểm 30/06/2009

Hiện tại công ty đang có 3 nhà máy chế biến mủ với 4 dây chuyền chế biến mủ (1 dây chuyền sản xuất mủ nước được cải tạo từ năm 1994, 1 dây chuyền đầu tư năm 1997, 1 dây chuyền sản xuất mủ tạp đầu tư năm 2001 và 1 dây chuyền sản xuất mủ ly tâm đầu tư năm 2003) với công suất 27.000 tấn/năm. Với dây chuyền sản xuất được đầu tư đồng bộ, công nghệ tiên tiến để sản xuất ra những sản phẩm đảm bảo chất lượng. Nguồn gốc dây chuyền sản xuất có xuất xứ từ Malaysia, Các dây chuyền công nghệ này được nhiều đơn vị trong ngành sử dụng.

Hiện tại công ty đang quản lý và sử dụng hợp pháp 17.090,22 ha đất trong đó:

- Diện tích đất trồng cao su: 16.671,80 ha
- Trong đó:
 - + Diện tích vườn cây khai thác 12.245,06 ha
 - + Diện tích vườn cây KTCB 2.584,56 ha



- + Diện tích đất chờ trồng mới 758,39 ha
- + Diện tích vườn ươm, vườn nhân 14,37 ha
- + Diện tích giao khoán là: 1.069,42 ha

(Thực hiện giao khoán cho CBCNV theo chủ trương của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam thời hạn 32 năm là 202,79 ha, thời hạn 50 năm là 866,63 ha)

- Diện tích đất chuyên dùng: 418,42 ha
- Trong đó:
- + Đường lô, liên lô 306,84 ha
 - + Khu dân cư 36,40 ha
 - + Trụ sở văn phòng, nhà máy 46,44 ha
 - + Đường điện vườn ươm 2,70 ha
 - + Mặt nước 15,70 ha
 - + Bàn giao công ty gỗ Trường Phát, địa phương 10,34 ha

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2009 – 2011

14.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2009 – 2011

Mục	ĐVT	2009	2010	2011
Vốn điều lệ	Tr đồng	813.000	813.000	813.000
Sản lượng mũ khai thác	tấn	23.000	22.000	22.000
Sản lượng mũ thu mua	tấn	3.500	4.000	4.000
Sản lượng tiêu thụ trong kỳ (có tồn kho)	tấn	29.000	26.000	26.000
Giá bán thành phẩm cao su bình quân /tấn	Tr đồng	22	24	25
Giá thành tiêu thụ bình quân/tấn	Tr đồng	17	18	19
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	Tr đồng	130.000	130.000	130.000
Lợi nhuận hoạt động tài chính	Tr đồng	15.000	15.000	15.000
Lợi nhuận hoạt động khác (vườn cây thanh lý, khu dân cư,...)	Tr đồng	57.000	50.000	50.000
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	202.000	195.000	195.000
Thuế suất	%	25	25	25
Thuế TNDN	Tr đồng	50.500	48.750	48.750
Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	151.500	146.250	146.250



Lợi nhuận đầu tư dự án	Tr đồng	23.000	27.950	32.950
Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	174.500	174.200	179.200
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	21,46	21,43	22,04
Trích dự phòng tài chính (5%)	Tr đồng	8.725	8.710	8.960
Trích quỹ dự phòng đầu tư phát triển (10%)	Tr đồng	17.450	17.420	17.920
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (15%)	Tr đồng	26.175	26.130	26.880
Cổ tức cho cổ đông	Tr đồng	122.150	121.940	125.440
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	15,02	15,00	15,43

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

Cơ sở xây dựng kế hoạch: Căn cứ vào diện tích vườn cây khai thác hàng năm và năng suất bình quân, tính được sản lượng khai thác. Ngoài ra công ty còn tiến hành thu mua mủ cao su tiểu điền bên ngoài nên có thể đảm bảo được sản lượng mủ chế biến. Trên cơ sở đó, cuối mỗi năm công ty chủ động đàm phán ký kết hợp đồng với khách hàng nên công ty vẫn đảm bảo doanh thu của hoạt động kinh doanh chính (sản phẩm của công ty ngày càng được khách hàng đánh giá cao trên thị trường).

Trong bối cảnh nền kinh tế đang có dấu hiệu phục hồi và dự báo triển vọng phát triển của ngành cao su nên việc xây dựng kế hoạch của công ty vẫn mang tính thận trọng. Bên cạnh đó, việc xây dựng quỹ tiền lương cho cán bộ công nhân viên dựa vào doanh thu tiêu thụ trong kỳ nên công ty vẫn đảm bảo kinh doanh có lãi (chi phí tiền lương chiếm khoản 40% giá thành tiêu thụ). Ngoài ra dựa vào dòng tiền từ việc kinh doanh chính và lợi nhuận đầu tư các dự án, công ty xây dựng lợi nhuận của hoạt động tài chính và hoạt động khác.

Tuỳ theo tình hình thực tế kinh doanh hàng năm, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ đề xuất mức chi trả cổ tức cụ thể trước Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

14.2 Biện pháp thực hiện

- Trong thời gian tới, Công ty sẽ tăng cường công tác đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, kể cả khách hàng nội địa và quốc tế, để nâng cao tỷ lệ doanh thu và hiệu quả;
- Tăng cường quản lý và khai thác hiệu quả các dự án Công ty tham gia góp vốn và tính toán cân nhắc hiệu quả khi đầu tư các dự án mới;
- Sử dụng tối đa công năng các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải để đáp ứng tốt hơn yêu cầu sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả;
- Tập trung nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật nông nghiệp, công nghệ chế biến để có thể nâng cao năng suất khai thác vườn cây và chất lượng sản phẩm;

- Thực hiện tốt công tác giám sát, kiểm tra, bảo vệ để hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thất thoát mủ cao su khi khai thác;
- Tăng cường thực hiện công tác đào tạo để nâng cao hơn nữa năng lực quản lý của bộ máy lãnh đạo, năng lực làm việc của nhân viên khối văn phòng và tay nghề kỹ thuật của công nhân khai thác, chế biến để đáp ứng được yêu cầu hoạt động kinh doanh và đảm bảo lợi nhuận của công ty, nộp ngân sách đầy đủ, đảm bảo cổ tức cho cổ đông và chăm lo tốt đời sống người lao động;

14.3 Kế hoạch đầu tư năm 2009 - 2011

Kế hoạch đầu tư năm 2009 – 2011 của Công ty và tiến độ thực hiện được thể hiện trong bảng dưới đây: Đơn vị tính: tr đồng

S T T	Danh mục đầu tư	Vốn đầu tư toàn dự án	Vốn góp của PHR	Tỷ lệ góp vốn của PHR / vốn đầu tư	Vốn góp lũy kế đến 30.06.09	Góp vốn 2009	Góp vốn 2010	Góp vốn 2011
I	Đầu tư dài hạn	4.141.000	1.059.136		298.728	196.000	231.000	222.000
A	Góp vốn vào các công ty:	2.946.000	465.136		217.228	116.000	101.000	92.500
1.	Công ty CP KCN Nam Tân Uyên (GĐ1)	90.000	25.010	28%	25.477			
	Công ty CP KCN Nam Tân Uyên (GĐ2)	70.000	31.500	45%		10.000	10.000	11.500
2.	Công ty TNHH ĐTKD CSHT Cao su Việt Nam (GĐ1)	200.000	60.524	30%	60.524			
	Công ty TNHH ĐTKD CSHT Cao su Việt Nam (GĐ2)					12.000	10.000	10.000
3.	CTCP Thủy điện Geruco Sông Côn (GĐ1)	300.000	57.000	19%	57.000			
	CTCP Thủy điện Geruco Sông Côn (GĐ2)	300.000	45.000	15%		20.000	15.000	10.000
4.	Công ty Cổ phần chế biến Gỗ Thuận An	104.000	5.862	6%	8.928			
5.	Công ty Cổ phần Công nghiệp & NXK cao su	50.000	1.990	4%	2.362			
6.	Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru	22.000	1.000	5%	1.042			
7.	Công ty CP Cao su Quasa Geruco Lào	500.000	53.750	10,75%	18.300	5.000	10.000	10.000
8.	Công ty CP Cao su TP.HCM	200.000	30.000	15%	4.888	5.000	10.000	10.000
9.	Công ty CP Cao su Sơn La	200.000	20.000	10%	11.674	4.000	6.000	10.000



10.	Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	50.000	32.500	65%	6.500	5.000	10.000	15.000
11.	NH TMCP Sài Gòn Hà Nội				11.048			
12.	Công ty CP đầu tư Sài Gòn VRG (KCN Củ Chi)	600.000	72.000	12%	9.485	40.000	20.000	12.000
13.	Công ty CP thủy điện VRG Ngọc Linh	160.000	24.000	15%		10.000	10.000	4.000
14.	Dự án phát triển nguồn NL gỗ trầm Long An	100.000	5.000	5%		5.000		
B	Các dự án do công ty đầu tư trực tiếp	1.195.000	594.000		81.500	80.000	130.000	129.500
1.	Dự án KDC Phước Hoà	70.000	70.000	100%	40.500	10.000	10.000	9.500
2.	Công ty TNHH phát triển cao su Phước Hòa Kampong Thom tại Campuchia	935.000	374.000	100% Vốn tự có: 40% Vốn vay: 60%	40.000	60.000	100.000	100.000
3.	Dự án KCN Hòa Bình (Bình Dương)	100.000	60.000	60%	1.000	5.000	10.000	10.000
4.	Dự án KDC các nông trường	90.000	90.000	100%		5.000	10.000	10.000
II	Đầu tư ngắn hạn				290.729			
A	Tiền gửi tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng				262.669			
B	Đầu tư cổ phiếu				28.060			
Tổng cộng		4.141.000	1.059.136		589.456	196.000	231.000	222.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

Kế hoạch lợi nhuận từ đầu tư dài hạn của Công ty giai đoạn 2009 - 2011

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Kế hoạch lợi nhuận 2009	Kế hoạch lợi nhuận 2010	Kế hoạch lợi nhuận 2011	Tổng cộng
A	Góp vốn vào các công ty:	23.000	27.950	32.950	83.900
1.	Công ty CP KCN Nam Tân Uyên (GĐ1)	8.000	6.000	6.000	20.000
	Công ty CP KCN Nam Tân Uyên (GĐ2)		4.000	4.000	8.000
2.	Công ty TNHH ĐTKD CSHT Cao su Việt Nam (GĐ1)	7.500	7.500	7.500	22.500
3.	CTCP Thủy điện Geruco Sông Côn (GĐ1)	5.700	8.550	8.550	22.800
4.	Công ty Cổ phần chế biến Gỗ Thuận An	500	500	500	1.500
5.	Công ty Cổ phần Công nghiệp & NKK cao su	200	300	300	800
6.	Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru	100	100	100	300
7.	Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát			5.000	5.000



8.	NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	1.000	1.000	1.000	3.000
B	Các dự án do công ty đầu tư trực tiếp	20.000	10.000	20.000	50.000
1.	Dự án KDC Phước Hoà	20.000	10.000	10.000	40.000
2.	Dự án KCN Hòa Bình (Bình Dương)			5.000	5.000
3.	Dự án KDC các nông trường			5.000	5.000
Tổng cộng		43.000	37.950	52.950	133.900

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà)

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (TSC) đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà (PHURUCO) cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang hoạt động. Đồng thời dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực của PHURUCO và mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành, TSC nhận thấy dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2009 - 2011 của PHURUCO có tính khả thi nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Công ty Chứng khoán Thăng Long xin lưu ý rằng, các ý kiến nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

**V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

1. Loại chứng khoán Cổ phần phổ thông
2. Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần
3. Tổng số chứng khoán niêm yết 81.300.000 cổ phần
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng khi Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh: **164.800** cổ phiếu (tỷ lệ 0.203%)

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ Đăng ký Kinh doanh	Số CP sở hữu	Số CP hạn chế chuyển nhượng	Thời hạn nắm giữ
Cổ đông công đoàn					
1	Công đoàn công ty		140.000	140.000	
Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Văn Tân	280016743	3.200	3.200	(*)
2	Phạm Văn Thành	023138281	5.000	5.000	
3	Lê Phi Hùng	280476436	2.400	2.400	
4	Trương Văn Quanh	280292921	2.900	2.900	
5	Nguyễn Đức Thắng	285000674	0	0	
Ban Tổng Giám đốc					
1	Nguyễn Văn Ngọc	280272906	5.700	5.700	(*)
2	Đặng Đôn Cư	280045746	3.200	3.200	
Ban Kiểm Soát					
1	Hồ Mộng Vân	021949081	0	0	(*)
2	Nguyễn Văn Tước	280348264	2.400	2.400	
3	Vũ Quốc Anh	022228837	0	0	
Kế toán trưởng					
1	Dương Văn Khen	280380418	0	0	(*)
Tổng cộng			164.800	164.800	

Lưu ý (*): Theo quy định của Luật Chứng khoán, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu của mình trong vòng 06 tháng đầu tiên, 50% số cổ phiếu của mình trong vòng 06 tháng tiếp theo sau khi công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

5. Giá niêm yết dự kiến: 36.000 đồng/cổ phần

6. Phương pháp tính giá

6.1 Phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF)

Phương pháp chiết khấu dòng tiền là phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai với giả định giá cổ phiếu bằng giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai của doanh nghiệp.

Giá trị hiện tại của một cổ phiếu doanh nghiệp sẽ được xác định theo công thức:

$$P_0 = (\sum(FCF_i/(1+k)^i) + P_n/(1+k)^n + H_1 - H_2) / \text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}$$

Trong đó:

- P_0 : Giá trị hiện tại của một cổ phiếu doanh nghiệp
- FCF_i : Giá trị dòng tiền tự do của năm i (i có giá trị từ 1 đến 4) tính cho giai đoạn 2009 – 2012;
- k : Tỷ lệ chiết khấu = 12%; $n = 4$ (4 năm từ 2009 – 2012)
- H_1 : Giá trị tiền và các khoản tương đương tiền vào đầu năm 2009
- H_2 : Giá trị các khoản nợ dài hạn đầu năm 2009
- P_n : giá trị dòng tiền tương lai từ năm 2013 trở đi được tính về thời điểm 2012: $P_n = FCF_{n+1}/(k-g)$
- g : Tỷ lệ tăng trưởng ổn định từ năm 2013 trở đi của công ty dự kiến bằng 5%/năm
- FCF_{n+1} : Giá trị dòng tiền tự do năm 2013 = Giá trị dòng tiền tự do năm 2012 * (1 + g)
- **Tổng số cổ phần đang lưu hành:** 81.300.000 cổ phần

$$P_0 = 42.207 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Vậy, theo phương pháp chiết khấu dòng tiền, giá trị mỗi cổ phiếu là **42.207** đồng/cổ phiếu

6.2 Phương pháp P/E (Market Price/ Earning per share)

Phương pháp P/E là phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp trên cơ sở tỷ lệ giá trị thị trường/ thu nhập mỗi cổ phần của doanh nghiệp.

So sánh với các doanh nghiệp cùng ngành đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh như: Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (DPR), Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh (TRC), Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình (HRC) thì P/E trung bình các công ty là 7,35 .

Hiện nay, chỉ số **P/E** trung bình ngành của các công ty cao su đã cổ phần hóa là:

	Cao su Đồng Phú	Cao su Tây Ninh	Cao su Hòa Bình	Trung bình ngành
P/E	7,73	6,73	7,60	7,35

(Theo Bản tin thị trường chứng khoán ngày 17.07.09)

Tỷ lệ chiết khấu (K) (không tính phụ phí rủi ro chứng khoán $R(p) = 0$): 12%

Theo phương pháp **P/E**, giá trị mỗi cổ phiếu là **15.625** đồng/cổ phiếu

6.3 Phương pháp P/B (Market Price/Book Ratio)

Phương pháp P/B là phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp trên cơ sở tỷ lệ giá trị thị trường/ giá trị sổ sách của doanh nghiệp.

So sánh với các doanh nghiệp cùng ngành đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh như: Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (DPR), Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh (TRC), Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình (HRC) thì P/B trung bình các công ty là 2,39.

	Cao su Đồng Phú	Cao su Tây Ninh	Cao su Hòa Bình	Trung bình ngành
P/B	2,63	2,74	1,81	2,39

(Theo Bản tin thị trường chứng khoán ngày 17.07.09)

Tỷ lệ chiết khấu (K) (không tính phụ phí rủi ro chứng khoán $R(p) = 0$): 12%

Theo phương pháp **P/B**, giá trị mỗi cổ phiếu là **25.247** đồng/cổ phiếu

6.4 Kết hợp các phương pháp tính giá

Phương pháp tính	Giá	Tỷ trọng	Trọng số
Phương pháp Chiết khấu dòng tiền	42.207	60%	25.324
Phương pháp P/B	25.247	30%	7.574
Phương pháp P/E	15.625	10%	1.563
Mức giá trung bình (với trọng số) (đồng/cổ phần)			34.461

Ngoài ra, vào thời điểm chốt danh sách lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán, giá cổ phiếu của công ty trên thị trường dao động trong khoảng 35.000 – 37.000 đồng/cổ phần.

Vậy giá niêm yết dự kiến của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM là **36.000** đồng/ cổ phần.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Khi cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Trong trường hợp được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong đó quy định tổ chức cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1 Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, thì:

- Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).
- Mức thuế suất đối với từng loại như sau:
 - Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
 - Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán): 0,1% và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
- Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

8.2 Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế X Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu

Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%

8.3 Đối với doanh nghiệp.

Hiện nay, công ty đang áp dụng các chính sách thuế theo quy định hiện hành của các luật thuế được quốc hội thông qua và không có ưu đãi về các chính sách thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp công ty áp dụng theo tỷ lệ 25% và không được hưởng chế độ ưu đãi.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức tư vấn niêm yết****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG**

Trụ sở chính: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Tel: (84.4) 3726 2600 Fax: (84.4) 3726 2601
Chi nhánh TP.HCM: Lầu 2, Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM
Tel: (84.8) 3910 6411 Fax: (84.8) 3910 6153
Email: @vnn.vn Web: www.thanglongsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán:**CÔNG TY TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

Địa chỉ: 160 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84.04) 8 3689 566 – 8 3689 588 Fax: (84.04) 8 3686 248
Email: avapro@vnn.vn Web: www.ava.pro.vn



VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. **Phụ lục III:** Báo cáo kiểm toán *năm 2006, 2007, 1/1/2008-02/03/2008 và 03/03/2008-31/12/2008*
4. **Phụ lục IV:** Những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết



**CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, ĐẠI DIỆN BAN KIỂM
SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA**

Bình Dương, ngày tháng năm 2009

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

NGUYỄN VĂN TÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐẠI DIỆN BAN KIỂM SOÁT

DƯƠNG VĂN KHEN

HỒ MỘNG VÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG – CN HCM

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

THÂM THỊ THUY